

LỜI MỞ ĐẦU

Bảng cân đối kế toán là một trong bốn báo cáo phải lập bắt buộc trong hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp do Bộ Tài Chính quy định. Đó là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Bảng cân đối kế toán nói riêng và báo cáo tài chính nói chung được nhiều đối tượng quan tâm. Trên cơ sở số liệu của nó, các nhà đầu tư, nhà quản lý tiến hành phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá thực trạng tài chính để biết được sự biến động của tài sản, nguồn vốn, công nợ... của doanh nghiệp trong kỳ kế toán, từ đó có biện pháp chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thích hợp và đưa ra quyết định có đầu tư hay không? Tuy nhiên, để có thể hiểu được tình hình cụ thể về tình hình tài chính của doanh nghiệp không phải đơn giản. Chính vì vậy, công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng và báo cáo tài chính nói chung là hết sức cần thiết. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco em đã lựa chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình là: ***“Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco”***.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán .

Chương 2: Thực trạng tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

Khóa luận được hoàn thành nhờ sự giúp đỡ của ban giám đốc, các cô chú , anh chị phòng kế toán tại công ty đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo hướng dẫn – **Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương**.

Do thời gian thực tập ngắn, trình độ còn hạn chế, thu nhập thông tin và tài liệu chưa có kinh nghiệm nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo hướng dẫn của các cô chú , anh chị trong công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco và cô giáo hướng dẫn để em có thể hoàn thiện hơn nữa bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế

1.1.1.1. Khái niệm báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản, vốn chủ sở hữu và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nó là phương tiện trình bày khả năng sinh lợi và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm. Cung cấp các thông tin kinh tế - tài chính chủ yếu cho người sử dụng thông tin kế toán trong việc đánh giá, phân tích và dự đoán tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế

Các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định kinh doanh đúng đắn thì họ cần phải căn cứ vào điều kiện hiện tại và những dự đoán tương lai, dựa vào những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh đạt được. Những thông tin đáng tin cậy đó do các doanh nghiệp lập các bảng tóm lược quá trình hoạt động cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã đạt được. Các bảng này được gọi là các Báo cáo tài chính. Như vậy, hệ thống Báo cáo tài chính là rất cần thiết đặc biệt là đối với nền kinh tế thị trường hiện nay của nước ta. Sự cần thiết của Báo cáo tài chính được thể hiện thông qua một số đối tượng chủ yếu sau:

- *Đối với chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp*: mỗi quan tâm hàng đầu của họ là tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ để đảm bảo sự tồn tại và phát triển doanh nghiệp. Ngoài ra, các nhà quản trị doanh nghiệp còn quan tâm đến các mục tiêu khác như tạo công ăn việc làm nâng cao chất lượng sản phẩm, đóng góp phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường v.v... Điều đó chỉ thực hiện được khi doanh nghiệp công bố Báo cáo tài chính định kỳ về hoạt động của

doanh nghiệp.

- *Đối với các chủ ngân hàng, những người cho vay:* mối quan tâm của họ chủ yếu hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì vậy, quan tâm đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp họ đặc biệt chú ý đến số lượng tiền tạo ra và các tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền. Ngoài ra, họ còn quan tâm đến số lượng vốn của chủ sở hữu để đảm bảo chắc chắn rằng các khoản vay có thể và sẽ được thanh toán khi đến hạn.

- *Đối với các nhà đầu tư:* sự quan tâm của họ hướng vào các yếu tố như rủi ro, thời gian hoàn vốn, mức tăng trưởng, khả năng thanh toán vốn v.v... Vì vậy, họ đề ý đến báo cáo tài chính là để tìm hiểu những thông tin về điều kiện tài chính, tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, khả năng sinh lời hiện tại và tương lai...

- *Đối với nhà cung cấp:* họ phải quyết định xem có cho phép doanh nghiệp sắp tới có được mua hàng chịu hay không. Vì vậy, họ phải biết được khả năng thanh toán của doanh nghiệp hiện tại và thời gian sắp tới.

- *Đối với các cơ quan thuế:* họ quan tâm đến số thuế mà doanh nghiệp phải nộp. Thông tin tài chính giúp họ nắm bắt được tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với ngân sách, số phải nộp, đã nộp và còn phải nộp.

- *Đối với người lao động:* họ mong muốn biết được sức mạnh thực sự của doanh nghiệp mình, tình hình sử dụng các quỹ, phân chia lợi nhuận, các kế hoạch kinh doanh trong tương lai để có được niềm tin với doanh nghiệp và tạo động lực làm việc tốt.

1.1.2. Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “ Trình bày báo cáo tài chính”, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Báo cáo tài chính phải trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu này, các báo cáo tài chính phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

- Doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với các quy định của từng chuẩn mực kế

toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy khi:

- + Trình bày trung thực hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- + Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.

- + Trình bày khách quan, không thiên vị.

- + Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

- + Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

- Trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, Doanh nghiệp phải căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý nhằm đảm bảo Báo cáo tài chính cung cấp được các thông tin thích hợp với nhu cầu ra các quyết định kinh tế của người sử dụng. Thông tin phải đáng tin cậy, trình bày khách quan, tuân thủ nguyên tắc thận trọng, đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Còn khi xây dựng các phương pháp kế toán doanh nghiệp cần xem xét:

- + Những yêu cầu và hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán đề cập đến những vấn đề tương tự và có liên quan.

- + Những khái niệm, tiêu chuẩn, điều kiện xác định và ghi nhận đối với các tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được quy định trong chuẩn mực chung.

- + Những quy định đặc thù của ngành nghề kinh doanh chỉ được chấp thuận khi những quy định này phù hợp với 2 điểm trên.

- Việc lập Báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi kháo sổ kế toán, Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký và đóng dấu của đơn vị.

1.1.3. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Cũng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21, khi lập và trình bày BCTC phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc hoạt động liên tục: đòi hỏi khi lập và trình bày Báo cáo tài chính giám đốc (người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền. Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và các BCTC có liên quan.

Nguyên tắc nhất quán: Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong Báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

- Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày Báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện.
- Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp: Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong Báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Nguyên tắc bù trừ: Đòi hỏi:

- Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên Báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.
- Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:
 - + Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác
 - + Một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày Báo cáo tài chính, ví dụ như: hoạt động kinh doanh ngắn hạn, kinh doanh ngoại tệ. Đối với các khoản mục được phép bù trừ, trên Báo cáo tài chính chỉ trình bày số lãi hoặc lỗ thuần (sau khi bù trừ).

Nguyên tắc có thể so sánh: Các thông tin bằng số liệu trong Báo cáo tài chính phải được trình bày tương ứng giữa các kỳ (kể cả các thông tin diễn giải bằng lời cần thiết).

1.1.4. Hệ thống Báo cáo tài chính doanh nghiệp theo chế độ kế toán hiện hành

1.1.4.1. Nội dung hệ thống Báo cáo tài chính doanh nghiệp

❖ Báo cáo tài chính năm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

❖ Báo cáo tài chính giữa các niên độ :

✓ Báo cáo tài chính giữa các niên độ dạng đầy đủ:

- Bảng cân đối kế toán giữa các niên độ (mẫu B01a - DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa các niên độ (mẫu B02a - DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa các niên độ (mẫu B03a - DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (mẫu B09a - DN)

✓ Báo cáo tài chính giữa các niên độ dạng tóm lược:

- Bảng cân đối kế toán giữa các niên độ (mẫu B01b - DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa các niên độ (mẫu B02b - DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa các niên độ (mẫu B03b - DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (mẫu B09a - DN)

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất :

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất (mẫu B01 - DN/ HN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (mẫu B02 - DN/ HN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (mẫu B03 - DN/ HN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (mẫu B09 - DN/ HN)

❖ ***Báo cáo tài chính tổng hợp***

- Bảng cân đối kế toán tổng hợp (mẫu B01 - DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (mẫu B02 - DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (mẫu B03 - DN)
- Thuyết minh báo cáo tài tổng hợp (mẫu B09 - DN)

1.1.4.2. Trách nhiệm lập, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính

❖ ***Trách nhiệm lập:***

Tất cả các doanh nghiệp hoạt động độc lập thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải lập báo cáo tài chính năm riêng của từng doanh nghiệp.

Ngoài ra :

- Đối với doanh nghiệp nhà nước độc lập và các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa các niên độ dạng đầy đủ riêng của từng doanh nghiệp. Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa các niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc dạng tóm lược.

- Đối với các đơn vị kế toán cấp trên (tổng công ty hoặc công ty không phải của nhà nước) có các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc có lập báo cáo tài chính còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp cuối năm.

- Đối với các đơn vị kế toán cấp trên (tổng công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo mô hình không có công ty con hoặc các doanh nghiệp nhà nước) có các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc có lập báo cáo tài chính còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa các niên độ và cuối năm.

- Đối với tổng công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo mô hình có công ty con còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cuối năm.

- Đối với tập đoàn (công ty mẹ) còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cuối năm.

❖ ***Thời hạn lập báo cáo tài chính***

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

- Kỳ lập báo cáo tài chính năm là 12 tháng tròn tính theo dương lịch (trường hợp đặc biệt kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không vượt quá 15 tháng).

- Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ là quý (không bao gồm quý 4)

- Ngoài ra các doanh nghiệp còn có thể lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán tháng, 6 tháng, 9 tháng,... tùy theo yêu cầu của chủ sở hữu.

❖ Thời hạn nộp báo cáo tài chính

Loại doanh nghiệp	BCTC quý	BCTC năm
Doanh nghiệp nhà nước gồm: - Các doanh nghiệp hạch toán độc lập và hạch toán phụ thuộc tổng công ty - Các doanh nghiệp hạch toán độc lập không nằm trong tổng công ty	Chậm nhất là ngày 20 kể từ ngày kết thúc quý.	Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
- Các tổng công ty nhà nước	Chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.	Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Các doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh		Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

- Các công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình doanh nghiệp khác		Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
---	--	--

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

❖ ***Nơi gửi BCTC :***

Loại doanh nghiệp	Thời hạn lập	Nơi gửi BCTC				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	Doanh nghiệp cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. DNNN	Quý, năm	X	X	X	X	X
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	X	X	X
3. Các loại hình DN khác	Năm	-	X	X	X	X

❖ ***Công khai báo cáo tài chính***

- Đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

✓ ***Hình thức công khai báo cáo tài chính:***

- Phát hành ấn phẩm
- Thông báo bằng văn bản
- Niêm yết
- Các hình thức khác theo quy định

✓ Nội dung công khai báo cáo tài chính:

- Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Trích lập và sử dụng các quỹ.
- Thu nhập của người lao động.

1.2. Bảng cân đối kế toán và phương pháp lập bảng cân đối kế toán.

1.2.1. Bảng cân đối kế toán và kết cấu bảng cân đối kế toán.

❖ Khái niệm Bảng cân đối kế toán

- Bảng cân đối kế toán là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn.

- Số liệu trên bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn hình thành tài sản. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát về tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn, mục đích sử dụng các nguồn vốn cũng như những triển vọng kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

❖ Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" khi lập và trình bày Bảng cân đối kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngoài ra trên Bảng cân đối kế toán, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại ngắn hạn;

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại dài hạn;

b) Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại ngắn hạn;

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại dài hạn.

c) Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, thì các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

❖ Kết cấu và nội dung của Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán có thể có kết cấu theo kiểu 1 bên (kiểu dọc) hoặc kiểu 2 bên (kiểu ngang) nhưng dù kết cấu theo kiểu nào thì vẫn bao gồm 2 phần chính:

Phần I: phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo gọi là phần “**Tài sản**”. Phần tài sản được chia làm 2 loại:

- Loại A: Tài sản ngắn hạn.

- Loại B: Tài sản dài hạn.

Trong đó:

- Về mặt kinh tế: các chỉ tiêu ở phần tài sản phản ánh quy mô và kết cấu các loại tài sản dưới hình thức vật chất.

- Về mặt pháp lý: Số liệu của các chỉ tiêu ở phần tài sản thể hiện toàn bộ số tài sản thuộc quyền quản lý và quyền sử dụng tại thời điểm lập báo cáo.

Phần II: phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo gọi là phần “**Nguồn vốn**”. Phần nguồn vốn được chia làm 2 loại:

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

- Loại A : Nợ phải trả.
- Loại B : Vốn chủ sở hữu.

Trong đó :

- Về mặt kinh tế : số liệu phân nguồn vốn thể hiện quy mô, kết cấu các nguồn vốn đã được doanh nghiệp đầu tư và huy động vào sản xuất kinh doanh.

- Về mặt pháp lý : số liệu của các chỉ tiêu phân nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp về số tài sản đang quản lý, sử dụng đối với các đối tượng cấp vốn cho doanh nghiệp.

Ngoài 2 phần chính trên, Bảng cân đối kế toán còn có thêm phần các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán để phản ánh một số tài sản mà doanh nghiệp không có quyền sở hữu nhưng có quyền quản lý, sử dụng.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 1.1 : Mẫu Bảng cân đối kế toán

Đơn vị:.....

Địa chỉ :.....

Mẫu số B01-DN

Ban hành theo quyết QĐ số 15/2006/QĐ

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm : ...

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1	2	3	4	5
A- Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
1. Tiền	111	V.01		
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	V.04		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Chi phí trả trước cho ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B- Tài sản dài hạn (200=210+ 220 + 240 + 250 + 260)	200			

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1	2	3	4	5
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08		
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270			

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1	2	3	4	5
A Nợ phải trả (300=310+330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Các khoản phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18		
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập doanh hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa sau thuế chưa phân phối	420			
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

1.2.2 Cơ sở số liệu, trình tự, phương pháp lập Bảng cân đối kế toán (B01-DN)

❖ **Cơ sở số liệu lập Bảng cân đối kế toán**

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp
- Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm trước.

❖ **Trình tự lập Bảng cân đối kế toán (B01-DN):** Có 6 bước để lập BCDKT

Bước 1: Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Bước 2: Kiểm tra, đối chiếu giữa các chứng từ với sổ chi tiết các tài khoản có liên quan. Điều chỉnh số liệu nếu có sai sót.

Bước 3: Kiểm tra, đối chiếu giữa các sổ sách có liên quan

Bước 4: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian, khóa sổ kế toán.

Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán.

Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt

❖ **Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán (B01-DN)**

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số hiệu ghi ở cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo này là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu của các chỉ tiêu này trong Bảng cân đối kế toán.

- Số liệu ghi vào cột 5 “Số đầu năm” của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Số cuối năm” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

- Số liệu ghi vào cột 4 “Số cuối năm” của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nay, được lập như sau:

Phương pháp lập các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán

✓ **Phần “Tài sản”**

A- Tài sản ngắn hạn (Mã số 100)

$$\text{Mã số 100} = \text{Mã số 110} + \text{Mã số 120} + \text{Mã số 130} + \text{Mã số 140} + \text{Mã số 150}$$

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110 = Mã số 111 + Mã số 112)

1. Tiền (Mã số 111):

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Tiền” là tổng số dư Nợ của các tài khoản 111 “Tiền mặt”, 112 “Tiền gửi ngân hàng” và 113 “Tiền đang chuyển” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký Sổ Cái.

2. Các khoản tương đương tiền (Mã số 112)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của tài khoản 121 “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” trên Sổ chi tiết TK 121, gồm: kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc... có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129)

1. Đầu tư ngắn hạn (Mã số 121):

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của tài khoản 121 “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” và tài khoản 128 “Đầu tư ngắn hạn khác” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái sau khi đã trừ đi các khoản đầu tư ngắn hạn đã được tính vào chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”.

2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Mã số 129)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của tài khoản 129 “Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

III. Các khoản phải thu (Mã số 130)

$$\text{Mã số 130} = \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 133} + \text{Mã số 134} + \text{Mã số 138} + \text{Mã số 139}$$

1. Phải thu của khách hàng (Mã số 131)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng” mở theo từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131, chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của tài khoản 331 “Phải trả cho người bán” mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 331.

3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (Mã số 133)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ chi tiết của tài khoản 1368 “Phải thu nội bộ khác” trên Sổ kế toán chi tiết TK 1368, chi tiết các khoản phải thu nội bộ ngắn hạn.

4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 134)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư bên Nợ của tài khoản 337 “Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng” trên Sổ Cái.

5. Các khoản phải thu khác (Mã số 135)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư bên Nợ của các tài khoản: TK 1385, TK 1388, TK 334, TK 338 trên sổ kế toán chi tiết các TK 1385, 1388, 334, 338, chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn.

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Mã số 139)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của tài khoản 139 “Dự phòng phải thu khó đòi” trên sổ kế toán chi tiết TK 139, chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Số liệu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149)

1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”, tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, tài khoản 153 “Công cụ, dụng cụ”, tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”, tài khoản 155 “Thành phẩm”, tài khoản 156 “Hàng hóa”, tài khoản 157 “Hàng gửi đi bán” và tài khoản 158 “Hàng hóa kho bảo thuế” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký Sổ Cái.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Sổ Cái hoặc trên Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150)

$$\text{Mã số 150} = \text{Mã số 151} + \text{Mã số 152} + \text{Mã số 154} + \text{Mã số 158}$$

1. Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước" này là số dư Nợ tài khoản 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 152)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 133 “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước (Mã số 154)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” căn cứ vào số dư Nợ chi tiết tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên Sổ kế toán chi tiết TK 333.

4. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ các tài khoản 1381 “Tài sản thiếu chờ xử lý”, tài khoản 141 “Tạm ứng”, tài khoản 144 “Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

B. Tài sản dài hạn (Mã số 200)

$$\text{Mã số 200} = \text{Mã số 210} + \text{Mã số 220} + \text{Mã số 240} + \text{Mã số 250} + \text{Mã số 260}.$$

I. Các khoản phải thu dài hạn (Mã số 210)

$$\text{Mã số 210} = \text{Mã số 211} + \text{Mã số 212} + \text{Mã số 213} + \text{Mã số 218} + \text{Mã số 219}.$$

1. Phải thu dài hạn của khách hàng (Mã số 211)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào chi tiết số dư Nợ của tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng”, mở chi tiết theo từng khách hàng đối với các khoản phải thu của khách hàng được xếp vào loại tài sản dài hạn.

2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 212)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 1361 “Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc” trên Sổ kế toán chi tiết TK 136.

3. Phải thu dài hạn nội bộ (Mã số 213)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào chi tiết số dư Nợ của tài khoản 1368 “Phải thu nội bộ khác” trên Sổ kế toán chi tiết TK 1368, chi tiết theo các khoản phải thu nội bộ dài hạn.

4. Phải thu dài hạn khác (Mã số 218)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ chi tiết của các tài khoản 138, 331, 338 (chi tiết các khoản phải thu dài hạn khác) trên Sổ kế toán chi tiết các tài khoản 1388, 331, 338.

5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Mã số 219)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 139 “Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi” trên sổ kế toán chi tiết TK 139 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

II. Tài sản cố định (Mã số 220)

$$\text{Mã số 220} = \text{Mã số 221} + \text{Mã số 224} + \text{Mã số 227} + \text{Mã số 230}$$

1. Tài sản cố định hữu hình (Mã số 221 = Mã số 222 + Mã số 223)

1.1. Nguyên giá (Mã số 222)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 211 “Tài sản cố định hữu hình” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

1.2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 2141 “Hao mòn tài sản cố định hữu hình” trên Sổ kế toán chi tiết TK 214 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

2. Tài sản cố định thuê tài chính (Mã số 224 = Mã số 225 + Mã số 226)

2.1 Nguyên giá (Mã số 225)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 212 “Tài sản cố định thuê tài chính” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

2.2 Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 226)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 2142 “Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2142 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

3. Tài sản cố định vô hình (Mã số 227 = Mã số 228 + Mã số 229)

3.1 Nguyên giá (Mã số 228)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 213 “Tài sản cố định vô hình” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3.2 Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 229)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 2143 “Hao mòn tài sản cố định vô hình” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2143 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 230)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 241 “Xây dựng cơ bản dở dang” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

III. Bất động sản đầu tư (Mã số 240 = Mã số 241 + Mã số 242)

4.1 Nguyên giá (Mã số 241)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 217 “Bất động sản đầu tư”, trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

4.2 Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 242)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 2147 “Hao mòn bất động sản đầu tư”, trên Sổ kế toán chi tiết TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250)

$$\text{Mã số 250} = \text{Mã số 251} + \text{Mã số 253} + \text{Mã số 258} + \text{Mã số 259}$$

1. Đầu tư vào công ty con (Mã số 251)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 221 “Đầu tư vào công ty con” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Mã số 252):

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Nợ của các tài khoản 222 “Vốn góp liên doanh” và tài khoản 223 “Đầu tư vào công ty liên kết”, trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3. Đầu tư dài hạn khác (Mã số 258)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 228 “Đầu tư dài hạn khác” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 229 “Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

V. Tài sản dài hạn khác (Mã số 260 = Mã số 261 + Mã số 262 + Mã số 268)

1. Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ tài khoản 242 “Chi phí trả trước dài hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 262)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ tài khoản 243 “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3. Tài sản dài hạn khác (Mã số 268)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Nợ tài khoản 244 “Ký quỹ, ký cược dài hạn” và các tài khoản khác có liên quan trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (MÃ SỐ 270 = MÃ SỐ 100 + MÃ SỐ 200)

✓ Phần: “Nguồn vốn”

A. Nợ phải trả (Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 330)

I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

1. Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 311 “Vay ngắn hạn” và tài khoản 315 “Nợ dài hạn đến hạn trả” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

2. Phải trả cho người bán (Mã số 312)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của tài khoản 331 “Phải trả cho người bán” được phân loại là ngắn hạn mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 331.

3. Người mua trả tiền trước (Mã số 313)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng” mở cho từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 131 và số dư Có của tài khoản 3387 “Doanh thu chưa thực hiện” trên sổ kế toán chi tiết TK 3387.

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 314)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 333.

5. Phải trả người lao động (Mã số 315)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 334 “Phải trả người lao động” trên sổ kế toán chi tiết TK 334 (Chi tiết các khoản còn phải trả người lao động).

6. Chi phí phải trả (Mã số 316)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 335 “Chi phí phải trả” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

7. Phải trả nội bộ (Mã số 317)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 336 “Phải trả nội bộ” trên sổ kế toán chi tiết TK 336 (Chi tiết phải trả nội bộ ngắn hạn).

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 318)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 337 “Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có của các tài khoản 338 “Phải trả, phải nộp khác”, tài khoản 138 “Phải thu khác”, trên sổ kế toán chi tiết của các tài khoản 338, 138 (Không bao gồm các khoản phải trả, phải nộp khác được xếp vào loại nợ phải trả dài hạn).

10. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 320)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 352 “Dự phòng phải trả” trên sổ kế toán chi tiết TK 352 (Chi tiết các khoản dự phòng cho các khoản phải trả ngắn hạn).

II. Nợ dài hạn (Mã số 330)

Mã số 330 = Mã số 331 + Mã số 332 + Mã số 333 + Mã số 334 + Mã số 335 + Mã số 336 + Mã số 337

1. Phải trả dài hạn người bán (Mã số 331)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 331 “Phải trả cho người bán”, mở theo từng người bán đối với các khoản phải trả cho người bán được xếp vào loại nợ dài hạn.

2. Phải trả dài hạn nội bộ (Mã số 332)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào chi tiết số dư Có tài khoản 336 “Phải trả nội bộ” trên sổ kế toán chi tiết TK 336 (Chi tiết các khoản phải trả nội bộ được xếp vào loại Nợ dài hạn).

3. Phải trả dài hạn khác (Mã số 333)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của tài khoản 338 “Phải trả, phải nộp khác” và tài khoản 344 “Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí Sổ Cái tài khoản 344 và sổ kế toán chi tiết TK 338 (Chi tiết phải trả dài hạn).

4. Vay và nợ dài hạn (Mã số 334)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có các tài khoản: tài khoản 341 “Vay dài hạn”, tài khoản 342 “Nợ dài hạn”, và kết quả tìm được của số dư Có TK 3431 trừ (-) dư Nợ TK 3432 cộng (+) dư Có TK 3433 trên sổ kế toán chi tiết TK 343.

5. Thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 335)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có tài khoản 347 “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 336)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 351 “Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

7. Dự phòng phải trả dài hạn (Mã số 337)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của tài khoản 352 “Dự phòng phải trả” trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 352 (Chi tiết các khoản dự phòng phải trả dài hạn).

B. Vốn chủ sở hữu (Mã số 400 = Mã số 410 + Mã số 430)

I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)

Mã số 410 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417 + Mã số 418 + Mã số 419 + Mã số 420 + Mã số 421

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 4111 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên sổ kế toán chi tiết TK 4111.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 4112 “Thặng dư vốn cổ phần” trên sổ kế toán chi tiết TK 4112. Nếu tài khoản này có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 4118 “Vốn khác” trên sổ kế toán chi tiết TK 4118.

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 419 “Cổ phiếu quỹ” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 415)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 412 “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Trường hợp tài khoản này có số dư bên Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 416)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Trường hợp tài khoản này có số dư bên Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

7. Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 414 “Quỹ đầu tư phát triển” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

8. Quỹ dự phòng tài chính (Mã số 418)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 415 “Quỹ dự phòng tài chính” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 419)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 418 “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 420)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Trường hợp tài

khoản này có số dư bên Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

II. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 421)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 441 “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (Mã số 430 = Mã số 431 + Mã số 432 + Mã số 433)

1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 431)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 431 “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

2. Nguồn kinh phí (Mã số 432)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số chênh lệch giữa số dư Có của tài khoản 461 “Nguồn kinh phí sự nghiệp” với số dư Nợ tài khoản 161 “Chi sự nghiệp” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Trường hợp số dư Nợ TK 161 lớn hơn số dư Có TK 461 thì chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Mã số 433)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của tài khoản 466 “Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (MÃ SỐ 440 = MÃ SỐ 300 + MÃ SỐ 400)

✓ Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Đối với các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán: căn cứ vào số dư nợ cuối kỳ của các tài khoản loại 0.

1.3. Phân tích bảng cân đối kế toán

1.3.1. Sự cần thiết của việc phân tích Bảng cân đối kế toán

Phân tích Bảng cân đối kế toán là dùng các kỹ thuật phân tích để biết được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán, dùng số liệu phân tích để đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp, giúp người sử dụng thông tin đặc biệt là các giám đốc tài chính đưa ra các quyết định

tài chính, các quyết định quản lý phù hợp.

Cũng xuất phát từ nhu cầu thông tin về tình hình tài chính của chủ doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm khác, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán nhằm:

- Cung cấp các thông tin về các nguồn vốn, tài sản, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản hiện có giúp chủ doanh nghiệp tìm ra những tồn tại và nguyên nhân của sự tồn tại đó để có biện pháp khắc phục thích hợp cho quá trình phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.
- Biết được mối quan hệ các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán
- Nắm rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản
- Phân tích Bảng cân đối kế toán cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư, các chủ nợ và những người sử dụng khác để họ đưa ra các quyết định về đầu tư, tín dụng hay các quyết định tương tự.

1.3.2. Phương pháp phân tích Bảng cân đối kế toán

Có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng trong phân tích bảng cân đối kế toán: phương pháp so sánh, phương pháp cân đối, phương pháp tỷ số, phương pháp thay thế liên hoàn, hồi quy... trong đó phương pháp so sánh, phương pháp tỷ số và phương pháp cân đối là những phương pháp chủ yếu sử dụng nhiều nhất trong phân tích bảng cân đối kế toán.

1.3.2.1. Phương pháp so sánh

Để có thể vận dụng phương pháp so sánh cần phải xác định được 2 vấn đề: điều kiện so sánh và tiêu chuẩn so sánh.

Điều kiện so sánh :

- Các chỉ tiêu kinh tế phải được hình thành trong cùng một khoảng thời gian như nhau.
- Các chỉ tiêu kinh tế phải thống nhất về nội dung và phương pháp tính toán.
- Các chỉ tiêu kinh tế phải cùng đơn vị đo lường.
- Khi so sánh các chỉ tiêu tương ứng phải quy đổi về cùng một quy mô hoạt động với các điều kiện kinh doanh như nhau.

Tiêu chuẩn so sánh : là các chỉ tiêu được chọn làm căn cứ so sánh

- Khi nghiên cứu xu hướng của sự thay đổi, kỳ gốc thường được chọn là số liệu kỳ trước. Thông qua sự so sánh kỳ này với kỳ trước sẽ thấy được tình hình tài chính được cải thiện hay xấu đi.

- Khi nghiên cứu mức độ biến động so với kế hoạch đặt ra trong kỳ, kỳ gốc được chọn là số liệu trong kế hoạch dự toán. Thông qua so sánh này thấy được khả năng cũng như mức độ tin cậy đối với việc hoàn thành kế hoạch các kỳ sau.

- Khi nghiên cứu mức độ tiên tiến hay lạc hậu, điểm mạnh hay điểm yếu, vị trí của doanh nghiệp trong ngành, kỳ gốc được chọn là mức độ trung bình ngành.

Tùy thuộc vào mục tiêu cụ thể của việc phân tích có thể so sánh theo nhiều cách khác nhau:

+ So sánh tuyệt đối: là mức độ biến động [vượt (+) hay hụt (-)] của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc.

+ So sánh tương đối: là tỷ lệ phần trăm của mức độ biến động giữa 2 kỳ, kỳ phân tích so với kỳ gốc.

+ So sánh kết cấu: là tỷ trọng của 1 chỉ tiêu kinh tế trong tổng thể các chỉ tiêu cần so sánh.

+ So sánh theo chiều ngang : là việc so sánh cả số tương đối và số tuyệt đối của cùng một chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán qua đó thấy được sự biến động của chỉ tiêu đó.

+ So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực hiện kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tình hình tài chính doanh nghiệp. Đánh giá sự tăng trưởng hay giảm sút trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ So sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch để thấy mức độ phấn đấu của doanh nghiệp.

+ So sánh giữa các chỉ tiêu của doanh nghiệp với các chỉ tiêu trung bình của ngành để qua đó đánh giá được tốc độ tăng trưởng, sức mạnh tài chính của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp cùng ngành.

1.3.2.2. Phương pháp tỷ số:

Phương pháp tỷ số là phương pháp phản ánh kết cấu, mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tài chính và sự biến đổi của lượng tài chính thông qua hàng loạt tỷ số theo chuỗi thời gian liên tục và theo từng giai đoạn.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ số và đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này đòi hỏi phải xác định được các ngưỡng, các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ số tài chính của doanh nghiệp với các tỷ số tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ số tài chính được phân thành các nhóm tỷ số đặc trưng phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có bốn nhóm tỷ số cơ bản sau:

- + Nhóm tỷ số về khả năng thanh toán
- + Nhóm tỷ số về khả năng cân đối vốn, nguồn vốn
- + Nhóm tỷ số về năng lực hoạt động
- + Nhóm tỷ số về khả năng sinh lời

Một tỷ số đơn lẻ không mang lại nhiều ý nghĩa, do vậy khi phân tích tỷ số cần phải có sự so sánh :

+ So sánh các tỷ số của doanh nghiệp với các doanh nghiệp khác trong ngành và với các tiêu chuẩn của ngành cho phép người phân tích rút ra những nhận định có ý nghĩa về vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, sức mạnh tài chính của doanh nghiệp so với các đối thủ cạnh tranh,... Trên cơ sở đó, các nhà quản trị có thể đưa ra các quyết định phù hợp với khả năng của doanh nghiệp.

+ So sánh các tỷ số của doanh nghiệp theo thời gian để thấy được xu hướng biến động của tỷ số là tốt hay xấu đi.

Chọn đúng các tỷ số và tiến hành phân tích, chúng ta sẽ đánh giá được tình hình tài chính. Phân tích tỷ số có thể làm bộc lộ ra các xu thế biến động mà các xu thế này thường khó xác định bằng sự kiểm tra riêng rẽ các bộ phận cấu thành tỷ số.

1.3.2.3. Phương pháp cân đối

- Phương pháp cân đối là phương pháp mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế mà giữa chúng tồn tại sự cân bằng hoặc phải tồn tại sự cân bằng.

- Phương pháp cân đối được sử dụng để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi chúng có quan hệ tổng với chỉ tiêu phân tích cho nên mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố là độc lập nhau. Cụ thể là để tính mức độ ảnh hưởng của nhân tố nào đó, chỉ cần tính chênh lệch giữa thực tế với kế hoạch của bản thân nhân tố đó mà không cần quan tâm đến các nhân tố khác.

Phương pháp này thường được kết hợp với phương pháp so sánh nhằm có được sự đánh giá toàn diện về tài chính.

Ngoài ba phương pháp trên còn sử dụng thêm các phương pháp như: thay thế liên hoàn, chênh lệch và nhiều khi do đòi hỏi của quá trình phân tích yêu cầu cần phải sử dụng kết hợp các phương pháp với nhau để thấy được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu. Qua đó, các nhà quản trị mới đưa ra được các quyết định đúng đắn, hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3.3. Nội dung phân tích bảng cân đối kế toán.

1.3.3.1 Phân tích cơ cấu tài sản

Thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối kỳ so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ. Để thuận tiện cho việc phân tích ta lập bảng như sau:

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 1.2

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số cuối năm		Chênh lệch số cuối năm với số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn khác						
B. TÀI SẢN DÀI HẠN						
I. Các khoản phải thu dài hạn						
II. Tài sản cố định						
III. Bất động sản đầu tư						
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
V. Tài sản dài hạn khác						
TỔNG CỘNG TÀI SẢN						

1.3.3.2. Phân tích cơ cấu nguồn vốn

Là việc so sánh sự biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Bên cạnh đó còn phải xem xét tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ an toàn trong việc huy động vốn. Để thuận tiện cho việc phân tích ta lập bảng như sau:

Biểu số 1.3

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số cuối năm		Chênh lệch số cuối năm với số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU						
I. Vốn chủ sở hữu						
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác						
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN						

1.3.3.3. Phân tích các tỷ số tài chính cơ bản.

❖ Nhóm tỷ số khả năng thanh toán:

Để thấy được hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nếu hoạt động tài chính của doanh nghiệp tốt thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp cao, ít công nợ cũng như ít bị chiếm dụng vốn. Ngược lại, tình trạng hoạt động tài chính kém sẽ làm giảm khả năng thanh toán hay doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn nhiều.

Để phân tích xét các chỉ tiêu sau:

- Tỷ số thanh toán tổng quát (H_1)

$$H_1 = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Hệ số này thể hiện mối quan hệ giữa tổng tài sản doanh nghiệp đang quản lý với tổng số nợ phải trả.

Nếu $H_1 < 1$ báo hiệu sự phá sản, vốn chủ sở hữu thấp, tổng tài sản hiện có không đủ trả nợ, doanh nghiệp có nguy cơ phá sản.

- Tỷ số thanh toán nợ ngắn hạn (H_2)

$$H_2 = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này dùng để đo lường khả năng đảm bảo của tổng TSNH với nợ ngắn hạn khi chuyển đổi thành tiền mặt.

- Nếu H_2 thấp (< 1): khả năng thanh toán giảm và cũng là dấu hiệu báo trước những khó khăn về tài chính sẽ xảy ra.

- Nếu H_2 cao (> 1): điều đó là doanh nghiệp luôn sẵn sàng thanh toán các khoản nợ. Tuy nhiên, nếu H_2 quá cao sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động vì công ty đã đầu tư quá nhiều vào TSNH, điều này có thể làm ứ đọng vốn.

- Tỷ số thanh toán nhanh (H_3)

$$H_3 = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

H3 là thước đo khả năng trả ngay các khoản nợ ngắn hạn trong kỳ không dựa vào việc bán các loại vật tư hàng hoá. Chỉ tiêu này càng lớn thì khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp càng cao.

- Tỷ số thanh toán tức thời (H4)

$$H_4 = \frac{\text{Tiền, các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

H4 càng lớn thì khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp càng cao. Tuy nhiên, nếu tỷ số này cao quá thì cũng không tốt vì doanh nghiệp duy trì lượng vốn bằng tiền quá lớn làm giảm tốc độ luân chuyển vốn dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn thấp.

❖ Nhóm tỷ số về khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời luôn được các nhà quản trị tài chính quan tâm nhất. Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, là đáp số sau cùng của hiệu quả tài chính, hiệu quả sản xuất kinh doanh và là căn cứ quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các chính sách phát triển trong tương lai.

- Tỷ số lợi nhuận trên tổng vốn (H5)

$$H_5 = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết trong một đồng vốn bỏ ra thì có bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (H6)

$$H_6 = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết trong một đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Đây là chỉ tiêu được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm khi họ quyết định bỏ vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

❖ **Nhóm tỷ số về khả năng cân đối vốn**

Nhóm tỷ số này phản ánh mức chủ động về tài chính cũng như khả năng sử dụng nợ của doanh nghiệp.

- **Tỷ số nợ (H_7)**

Tỷ số này cho thấy bao nhiêu phần trăm tài sản của công ty được tài trợ bằng nợ, đo lường mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp so với tài sản.

$$H_7 = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ số nợ càng cao thì tính độc lập của doanh nghiệp càng kém. Nhưng tỷ số nợ mà cao thì doanh nghiệp có lợi vì được sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ đầu tư một lượng vốn nhỏ. Nếu chất lượng kinh doanh của doanh nghiệp đang tăng lên thì tỷ số nợ vàng cao sẽ làm cho doanh lợi chủ sở hữu càng cao.

- **Tỷ số cơ cấu vốn hay còn gọi là tỷ số tự tài trợ (H_8)**

Tỷ số tự tài trợ là một chỉ tiêu tài chính đo lường sự góp vốn chủ sở hữu trong tổng số vốn hiện có của doanh nghiệp.

$$H_8 = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Tỷ số tự tài trợ cho thấy mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh riêng có của mình. Tỷ số tự tài trợ càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có, tính độc lập cao với các chủ nợ. Do đó không bị ràng buộc hoặc chịu sức ép của các khoản nợ vay.

- **Tỷ số cơ cấu tài sản (H_9)**

Tỷ số này cho biết trong tổng tài sản của doanh nghiệp, bao nhiêu phần trăm là tài sản ngắn hạn và bao nhiêu phần trăm là tài sản dài hạn.

$$H_9 = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Đối với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau thì cơ cấu tài sản khác nhau. Do đó, khi đánh giá mức độ hợp lý của cơ cấu tài sản thì cần dựa vào mức trung bình của ngành để xem xét. Nếu việc bố trí cơ cấu tài sản này không hợp lý sẽ dẫn tới mất cân đối trong kinh doanh, ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tài sản.

❖ **Nhóm tỷ số về năng lực hoạt động**

Nhóm này sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Nếu công ty đầu tư vào tài sản quá nhiều dẫn đến dư thừa tài sản và ngược lại nếu đầu tư quá ít sẽ khiến cho không đủ tài sản hoạt động và làm tổn hại đến khả năng sinh lời. Do vậy, doanh nghiệp nên đầu tư tài sản ở mức độ hợp lý.

- **Vòng quay các khoản phải thu (H_{10})**

Chỉ tiêu này dùng để đo lường hiệu quả quản lý các khoản phải thu. Các khoản phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước cho người bán,....

Số vòng quay các khoản phải thu được sử dụng để xem xét cẩn thận việc thanh toán các khoản phải thu. Khi khách hàng thanh toán tất cả các hóa đơn của họ, lúc đó các khoản phải thu quay được một vòng.

$$H_{10} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

- **Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (H_{11})**

$$H_{11} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản đo lường 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Vận Tải 1 Traco

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Xuất phát từ yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế miền Bắc xã hội chủ nghĩa, năm 1969 Công ty đại lý vận tải hàng nặng Hà Nội (trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải) ra đời làm nhiệm vụ đại lý vận tải hàng nặng cho các công trình trọng điểm như: nhà máy thủy điện Thác Bà, nhà máy sợi Hà Nội, vận chuyển hàng nội thương cho các tỉnh miền núi,...là tiền thân của Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco ngày nay.

Năm 1970, trước yêu cầu cấp bách tiếp nhận thiết bị toàn bộ nhập khẩu cho các công trình trọng điểm, vận tải hàng Bắc – Nam. Công ty đại lý vận tải hàng nặng Hà Nội được chuyển về Hải Phòng với tên gọi mới là Công ty đại lý Vận tải khu vực I trụ sở chính tại 289 Lý Thường Kiệt, Hải Phòng theo Quyết định số 1096 – QĐTC ngày 17/05/1979 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Từ đó đến năm 1983, Công ty đã xứng đáng với vai trò chủ lực giải tỏa cảng Hải Phòng làm tổng B tiếp nhận vận chuyển trọn gói thiết bị toàn bộ cho nhà máy nhiệt điện Phả Lại, nhà máy giấy Bãi Bằng, thiết bị hạng nặng cho Thủy điện Sông Đà, và làm đại lý tiếp nhận hàng triệu tấn phân bón vào đồng bằng sông Cửu Long, vận chuyển lương thực, hàng nội thương từ miền Nam ra Bắc.

Tháng 9 năm 1983, Công ty được điều về Tổng cục đường biển và đổi tên thành Công ty Đại lý vận tải đường biển I.

Năm 1988 lại được điều về trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải với tên gọi mới là Công ty dịch vụ vận tải I.

Năm 1996 thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, công ty được thành lập lại theo Nghị định 388/CP với tên Công ty dịch vụ vận tải số 1, trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải theo Quyết định số 709 QĐ/TCCB – LD ngày 09/04/1996 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, năm 1999 công ty cổ phần hóa với tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt là Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco (Traco Transport Joint Stock Corporation NO.1) gọi tắt là TRACO, trụ sở chính đặt tại: 45 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng. Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty được xây dựng căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Nghị định 44/1998/NĐ – CP ngày 29/06/1998 của Chính phủ về việc chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần gồm 12 chương, 54 điều, được Đại hội cổ đông thành lập công ty ngày 12/01/2000 thông qua, được đăng ký và lưu giữ ở các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch Đầu tư thành phố hải Phòng số 0203000002 ngày 18/02/2000

Từ đó đến nay, trải qua 40 năm kinh nghiệm và phát triển, với năng lực vận tải xếp dỡ hàng hóa, hệ thống kho tàng bến bãi xuyên suốt Bắc – Trung – Nam, đội ngũ nhân viên(gồm thợ bậc cao, chuyên gia, kỹ sư, cử nhân, luật sư, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo tại các cơ sở trong và ngoài nước giàu kinh nghiệm, mẫn cán, được hàng trăm bạn hàng và đối tác trong và ngoài nước tin tưởng hợp tác, ngày nay Traco đã trở thành doanh nghiệp hàng đầu về vận tải và cung cấp dịch vụ Logistics cấp độ 3PL, 4PL ở Việt Nam và Khu vực.

Hiện nay TRACO đã trở thành thành viên của nhiều hiệp hội và tổ chức có uy tín về vận tải ở trong và ngoài nước như VIFFAS , VCCI, FIATA v.v..

Ngoài ra Traco còn là cổ đông của: Công ty cổ phần Cảng Vật Cách, Công ty Cổ phần Cảng Đình Vũ.

Đồng thời với hơn 1 triệu tấn/ năm thông qua Cảng, Traco được coi là khách hàng lớn nhất của Cảng Hải phòng, Cảng Vật Cách.

Traco còn là công ty Công ty mẹ của một số Công ty con thuộc Traco Group như: Traco Hà Nội, Traco Lào Cai, Traco Trucking, Traco Lâm Thao, Traco Sài Gòn, Traco Đà Nẵng, Traco Khánh Hòa.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Các ngành nghề kinh doanh truyền thống

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

- Vận tải xếp dỡ hàng hóa thông thường, siêu trường, siêu trọng, container, hàng quá cảnh, hàng xuất nhập khẩu, vận tải đa phương thức trong và ngoài nước.

- Giao nhận, tiếp vận kiểm đếm hàng hóa, thực hiện thủ tục thông quan.
- Đại lý tàu biển, hàng không, môi giới hàng hải
- Dịch vụ thương mại hàng hóa.
- Vận tải các loại hàng hóa
- Dịch vụ bảo quản hàng hóa
- Tư vấn tổ chức tiếp nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh.
- Dịch vụ Logistics
- Dịch vụ Hải quan
- Tư vấn khách hàng
- Dịch vụ Hàng hải, Đại lý tàu biển và Cung ứng tàu biển.

Hiện nay công ty đang mở rộng nhận làm đại lý và tiến hành giao nhận vận chuyển cho một số mặt hàng là phân bón và sắt thép.

❖ Với mặt hàng thép công ty hiện đang thực hiện giao nhận trên 2 mặt là:

- + Giao nhận nguyên vật liệu đầu vào (phôi thép, tôn cán nóng, tôn cán nguội, ...) cho các nhà máy sản xuất thép.
- + Giao nhận thành phẩm của các nhà máy sản xuất thép nói trên (gồm ống thép, thép xây dựng, ...) đến nơi tiêu thụ

Khách hàng chính của công ty về mặt hàng này là các công ty lớn như: Vinasteel, SSE, VIS Hòa Phát v.v...

❖ Với mặt hàng phân bón công ty thực hiện việc giao nhận trên hai mặt là nguyên liệu đầu vào và nguyên liệu đầu ra. Các sản phẩm và nguyên liệu như: lưu huỳnh, amoni sunfat SA, kali, phân DAP, urea, phân lân, phân APK v.v... được công ty tiến hành nhận và vận chuyển cho khách hàng trong nước

+ Ở miền Bắc thì bao gồm: Công ty Suphophat và Hóa chất Lâm Thao, công ty vật tư nông sản Aprmaco, Công ty tập đoàn đầu tư Long Hải, công ty phân bón đầu trâu....

+ Ở miền Nam thì gồm: công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Thành Lộc, công ty TNHH Nguyễn Phan, công ty TNHH Hưng Phú, công ty phân bón Miền Nam,...

- Các tuyến vận chuyển chính:

+ Hàng được nhập khẩu bằng đường biển thường đưa tới Cảng Hải phòng. Công ty nhận hàng tại Cảng Hải phòng và vận chuyển đến kho khách hàng. Nếu là khách hàng miền Bắc thì sẽ được vận chuyển tiếp bằng đường sắt hoặc đường bộ, nếu là khách hàng miền Nam thì sẽ được vận chuyển bằng đường biển sau đó vận chuyển bằng đường bộ đến kho khách hàng.

+ Hàng được nhập khẩu bằng đường sắt theo điều kiện DAF từ Trung Quốc tới Việt Nam qua các biên giới Lào Cai, Lạng Sơn sẽ được vận chuyển tiếp bằng các phương thức vận chuyển thích hợp đến kho khách hàng.

+ Ngoài ra Công ty cũng vận chuyển nội địa tức là nhận hàng từ kho khách hàng này đến khách hàng khác trong nước.

2.1.3. Thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh

❖ Thuận lợi

Vốn là thành viên Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải Visaba, công ty đã có nền tảng lâu bền trong quá trình phát triển. Trong suốt những năm qua, công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh, phát triển công ty, xây dựng uy tín trên thị trường. Với 40 năm tồn tại và phát triển Traco xác định sứ mệnh của mình là: Không ngừng đổi mới, liên tục phát triển để trở thành một công ty chuyên kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải hàng đầu ở miền Bắc Việt Nam. Traco nâng cao quá trình lập kế hoạch, chọn phương án tối ưu thực hiện quản lý, tiết kiệm tối đa chi phí, thời gian đối với nguyên vật liệu. Cuối cùng thỏa mãn tối đa các yêu cầu của khách hàng.

❖ Khó khăn

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

- Bất cứ một doanh nghiệp nào cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động của mình. Từ việc tìm đối tác kinh doanh, nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế...Traco cũng đã có những bài học đắt giá trong quá trình quản lý kế hoạch hóa tập trung quan liêu, duy ý chí.

- Bài học về xác định sai hướng kinh doanh năm 1988-1993. Công ty sa lầy vào kinh doanh thương mại supe lân, thu hẹp thị trường giao nhận vận tải dẫn đến kiệt quệ vào những tháng cuối năm 1993, mọi CBCN chỉ được hưởng lương tối thiểu 120.000đ/tháng

- Nhiệm kỳ đầu sau Cổ phần hóa năm 2000-2004: Đã thực hiện tốt vốn điều lệ công ty. Vận dụng và thực hiện tốt các chính sách luật pháp của Nhà nước, kinh doanh có lãi, tăng trưởng > 20% năm, uy tín vị thế doanh nghiệp được nâng cao...Song chưa xác định rõ chiến lược phát triển, đầu tư chưa mạnh, quy hoạch cán bộ và đào tạo cán bộ chưa cân xứng.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Thị trường giao nhận vận tải bị thu hẹp, doanh thu bị giảm đáng kể trong khi đó một loạt các chi phí phát sinh.

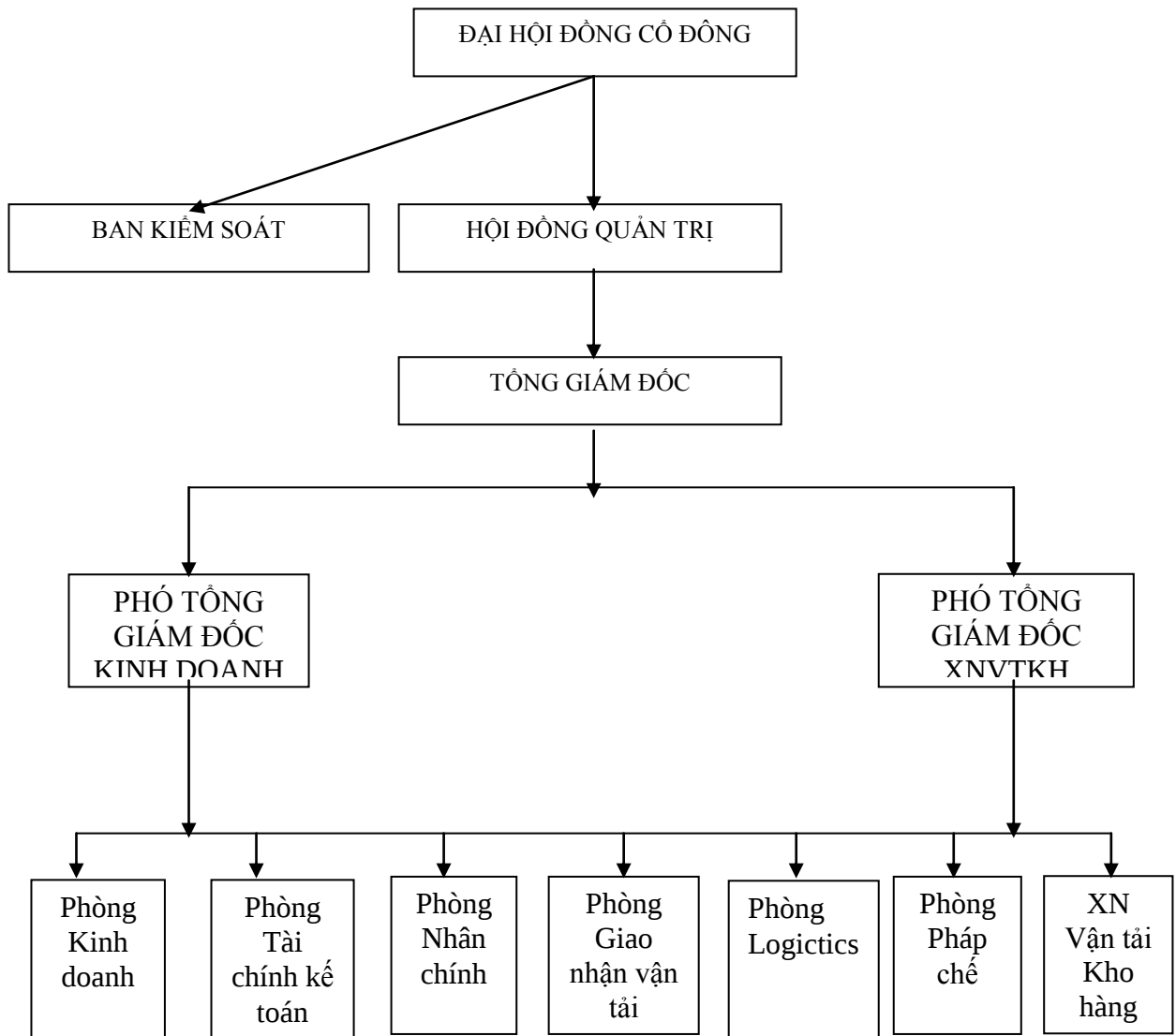
2.1.4. Thành tích cơ bản công ty đạt được trong quá trình hoạt động kinh doanh những năm gần đây.

Đơn vị tính: triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	Năm			So sánh(%)	
		2007	2008	2009	2008 so với 2007	2009 so với 2008
1	Doanh thu	169.28	173.86	186.47	1.03	1.07
2	Lợi nhuận sau thuế	7.347	8.238	8.92	1.12	1.08
3	Nộp ngân sách	1.892	2.059	2.45	1.09	1.19
4	Thu nhập BQ	1.8	2.23	2.46	1.24	1.10

Nhận xét :

Nhìn vào bảng số liệu trên có thể thấy hoạt động của công ty hàng năm có hướng phát triển tốt. Doanh thu năm sau cao hơn năm trước dẫn đến lợi nhuận, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, và thu nhập cho cán bộ công nhân viên cũng tăng đáng kể. Kết quả này cho thấy tính đúng đắn của hướng đi mà công ty đã lựa chọn.

2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

(Nguồn : Phòng Nhân chính công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

❖ **Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban**

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là các cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ của công ty quy định. Đặc biệt là các cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra hội đồng quản trị và ban kiểm soát của công ty.

- Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty phù hợp với pháp luật, trừ vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị chịu tách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, quản trị công ty theo pháp, điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát:

Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của công ty.

- Tổng giám đốc:

Là người lãnh đạo tổ chức mọi hoạt động trong công ty: công tác tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, tổ chức kinh doanh, tài chính doanh nghiệp. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp trên và HĐQT về hoạt động của Công ty.

- Phó Tổng giám đốc:

Là những người được Tổng giám đốc ủy quyền là giám đốc các Chi nhánh, Xí nghiệp. Phó tổng giám đốc giúp việc bằng giấy ủy quyền hoặc qua trao đổi, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT, TGD về nhiệm vụ được giao.

- Phòng Kinh doanh

Là bộ phận tham mưu trưởng giúp đỡ đắc lực nhất cho Tổng giám đốc trong công tác hoạch định chiến lược kinh doanh và điều hành triển khai thực hiện chiến lược đó. Để thực hiện thật tốt trách nhiệm được giao, phòng Kinh doanh chia làm những bộ phận nhỏ, mỗi bộ phận đảm trách một mảng công việc độc lập và hỗ trợ nhau khi cần thiết.

- Phòng Tài chính kế toán:

Quản lý nguồn vốn kinh doanh của Công ty, kiểm tra tình hình thực hiện kinh doanh, kế hoạch thu chi tài chính, kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn, tài sản. Thực hiện công tác hạch toán kế toán và toàn bộ các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phòng Nhân chính ::

Tham mưu trong việc xét tuyển ký kết hợp đồng lao động, đào tạo sắp xếp lao động, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết các chế độ theo quy định của Công ty. Bên cạnh đó, phòng Nhân chính còn có nhiệm vụ quản lý con dấu Công ty,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

là nơi giao dịch ban đầu của Công ty với khách hàng và giao dịch với cơ quan Nhà nước cũng như làm nhiệm vụ đối ngoại của Công ty.

- Phòng Logistics:

Thực hiện các hợp đồng liên hiệp vận tải, vận chuyển hàng hóa từ A đến Z, đảm bảo từ khâu thủ tục ban đầu đến khâu giao nhận hàng cuối cùng cho khách hàng.

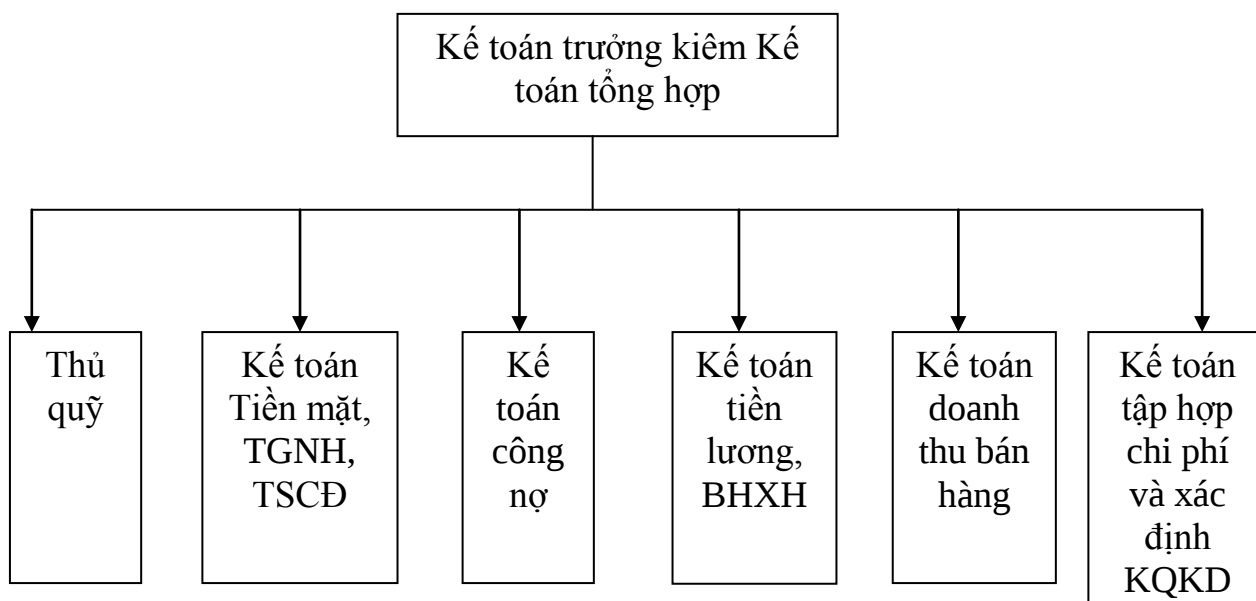
- Xí nghiệp Vận tải kho hàng

Là nơi chỉ đạo tổ chức tiếp nhận hàng hóa, tổ chức bảo quản hàng tại kho bãi, tổ chức công tác kho vận và giao cho khách hàng theo đúng quy trình, đạt yêu cầu phục vụ.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty

2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.

Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ phát sinh đều được gửi về phòng tài chính kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

Theo mô hình trên chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

- ***Trưởng phòng kế toán(Kế toán tổng hợp)*** là người điều hành mọi hoạt động của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc, tham vấn cho giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất kinh doanh để có thể đưa ra các quyết định hợp lý.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

- ***Thủ quỹ***: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày công ty phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.
 - ***Kế toán TSCĐ, kiêm kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng***: có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động của tài sản, trích khấu hao. Cuối năm kiểm kê TSCĐ và lập biên bản kiểm kê. Đồng thời có trách nhiệm theo dõi việc xuất nhập quỹ tiền mặt, biến động TGNH, giao dịch với ngân hàng.
 - ***Kế toán công nợ***: theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp, với khách hàng, mở các tài khoản bảo lãnh hợp đồng dịch vụ vận tải.
 - ***Kế toán doanh thu bán hàng***: theo dõi tình hình cung cấp dịch vụ của công ty hàng ngày, tổng hợp hóa đơn chứng từ để hạch toán.
 - ***Kế toán tập hợp chi phí và xác định kết quả kinh doanh*** : có nhiệm vụ hạch toán và theo dõi quá trình chi tiêu của doanh nghiệp để từ đó có cơ sở để tính toán, tập hợp các khoản chi phí phát sinh từ đó xác định kết quả kinh doanh mà công ty đạt được.
 - ***Kế toán tiền lương, BHXH***: tập hợp các chứng từ hóa đơn, các bảng theo dõi lao động, bảng chấm công,...để làm căn cứ tính tiền lương theo chế độ hợp lý.
- 2.1.6.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.***

- Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

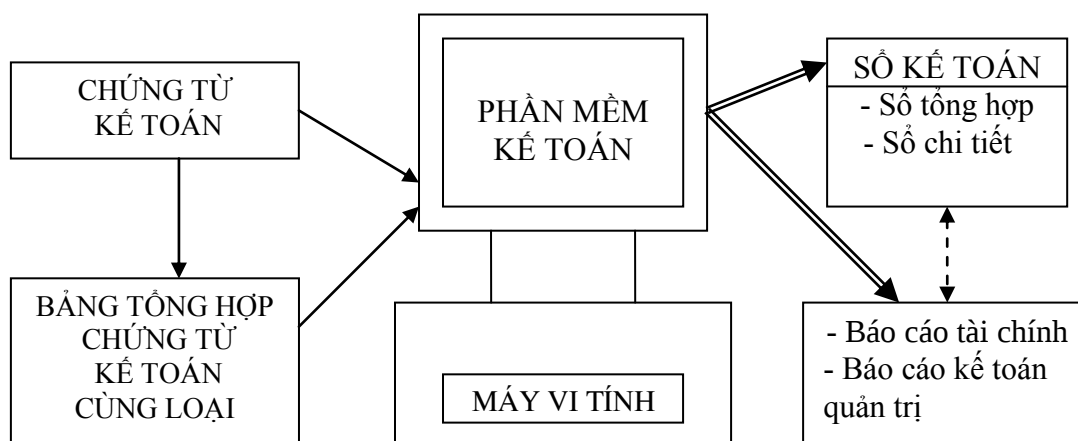
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp kế toán tài sản cố định: Tài sản cố định ghi theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng, thời gian khấu hao được xác định phù hợp theo quy định của Bộ tài chính.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

- Phương pháp giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp Nhập trước- Xuất trước.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Báo cáo tổng hợp được lập hàng năm đồng thời quyết toán thuế nộp nhà nước.
- Công tác kế toán được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính, kế toán nhập các số liệu từ các chứng từ ban đầu máy tính sẽ tự động cập nhật lên sổ theo quy trình cài đặt sẵn của phần mềm kế toán máy. Chương trình phần mềm kế toán máy công ty sử dụng là phần mềm kế toán **CADS ACCOUNTING 2008** để hạch toán sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Trình tự hạch toán kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính được mô tả theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

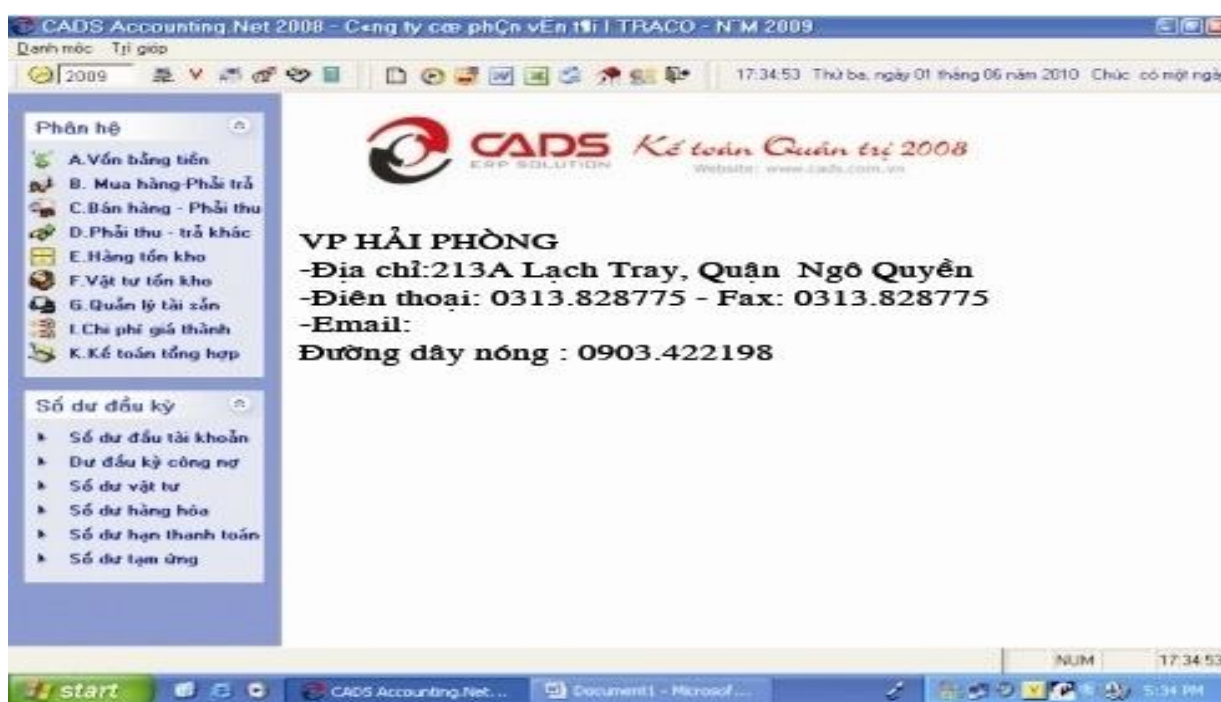
Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào) kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với Báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Hiện nay, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Cads Accounting 2008.



Kế toán sẽ chọn vào các phân hành mà mình muốn làm. Cập nhật dữ liệu vào máy vi tính và in các bảng biểu cần thiết đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

2.2. Thực trạng tổ chức lập bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ Phần Vận Tải 1 Traco.

2.2.1. Cơ sở số liệu lập bảng cân đối kế toán

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp như sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản,...
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán lập tại 31/12/2008
- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập tại 31/12/2009

2.2.2. Trình tự lập bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ Phần Vận Tải 1 Traco

2.2.2.1 Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán trên Chứng từ ghi sổ

Định kỳ kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kế toán được kế toán nhập vào máy tính có chứng từ hay không. Nếu có sai sót, kế toán phải có biện pháp xử lý kịp thời. Các bước kiểm tra như sau:

- + Kế toán tiến hành in Chứng từ ghi sổ từ phần mềm;
- + Sắp xếp các chứng từ kế toán cần kiểm tra theo đúng số thứ tự của chứng từ;
- + Kiểm tra đối chiếu chứng từ với các nghiệp vụ phát sinh được phản ánh vào Chứng từ ghi sổ;
- + Đối chiếu số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh trong Chứng từ ghi sổ;
- + Đối chiếu nội dung kinh tế của từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh trong Chứng từ ghi sổ
- + Kiểm tra mối quan hệ đối ứng tài khoản trong Chứng từ ghi sổ
- + Kiểm tra sự phù hợp về số tiền theo từng chứng từ và số tiền theo từng nghiệp vụ phản ánh trong Chứng từ ghi sổ.
- + Kiểm tra ngày tháng ghi trên chứng từ kế toán, ngày chứng từ trong Chứng từ ghi sổ và ngày ghi Chứng từ ghi sổ.

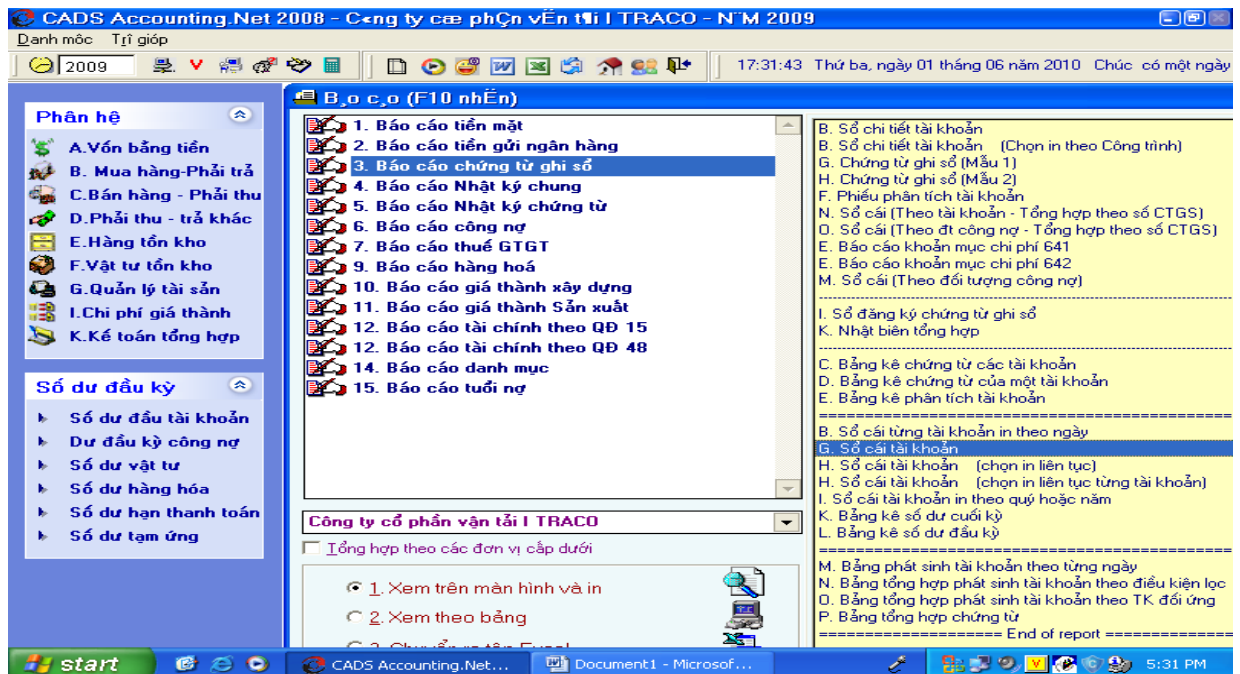
Ví dụ minh họa : Để kiểm tra tính có thực của nghiệp vụ phát sinh ngày 31/12/2009, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu từ chứng từ phát sinh với Chứng từ ghi sổ. Nội dung nghiệp vụ phát sinh như sau: Ngày 31/12/2009, công ty thu tiền cước vận chuyển đạm ure của công ty TNHH Thương mại Nghĩa Anh tổng số tiền thanh toán là 4.200.000 đồng.

- Từ màn hình chính chọn cột bên trái “ Kế toán tổng hợp”, xuất hiện các biểu tượng trong bảng Kế toán tổng hợp, chọn “ Báo cáo” có dạng màn hình sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco



Nhấn chuột vào biểu tượng “ Báo cáo”, sẽ có 15 loại báo cáo được đưa ra . Để nhập số liệu vào Chứng từ ghi sổ, chọn “ Báo cáo chứng từ ghi sổ” / “Chứng từ ghi sổ”, ta có màn hình như sau:



Tiếp tục nhấn chuột vào “Chứng từ ghi sổ” sẽ hiện ra mẫu sổ Chứng từ ghi sổ, kế toán nhập số liệu sau đó ấn F4 để in “Chứng từ ghi sổ” có dạng như sau:

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Số : 187

TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ƯNG		SỐ TIỀN	
	TK GHI NỢ	TK GHI CÓ	NỢ	CÓ
.....				
Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	112	100.000.000	
Thu tiền tạm ứng thừa cho nhân viên đi công tác	111	141	1.560.250	
Doanh thu từ hoạt động tài chính	111	515	18.632.140	
Cước vận chuyển ure	111	511	4.000.000	
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	200.000	
.....				
Cộng			216.336.491	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
Nguyễn Thị Giang

Kế toán trưởng
Phạm Thị Nga

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 2.2

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Mẫu số: 01 GTKT - 3LL ML/2009B 0009332																		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco																			
Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải phòng																			
Mã số thuế: 0200380768																			
Điện thoại: 031.3822329																			
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Quốc Cường																			
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TM Nghĩa Anh																			
Địa chỉ: Số 249 Sở Dầu- Hồng Bàng - Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: TM																			
Mã số thuế: 0600107284																			
<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"><tr><th style="width: 8%;">STT</th><th style="width: 38%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th><th style="width: 8%;">ĐVT</th><th style="width: 10%;">Số lượng</th><th style="width: 12%;">Đơn giá</th><th style="width: 14%;">Thành tiền</th></tr><tr><th style="text-align: center;">A</th><th style="text-align: center;">B</th><th style="text-align: center;">C</th><th style="text-align: center;">1</th><th style="text-align: center;">2</th><th style="text-align: center;">3 = 1 * 2</th></tr><tr><td style="text-align: center;">1</td><td>Cước vận chuyển ure</td><td style="text-align: center;">Tấn</td><td style="text-align: center;">200</td><td style="text-align: right;">20.000</td><td style="text-align: right;">4.000.000</td></tr></table>		STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3 = 1 * 2	1	Cước vận chuyển ure	Tấn	200	20.000	4.000.000
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2														
1	Cước vận chuyển ure	Tấn	200	20.000	4.000.000														
Cộng tiền hàng:					4.000.000														
Thuế suất GTGT: 5%					Tiền thuế GTGT: 200.000														
Tổng cộng tiền thanh toán :					4.200.000														
Số tiền viết bằng chữ:					<i>Bốn triệu hai trăm nghìn đồng chẵn</i>														
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

(Nguồn : Phòng Tài chính Kế toán công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 2.3

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO		Mẫu số 01 - TT		
Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Hải Phòng		Ban hành theo QĐ số		
Mã số thuế: 0200380768		15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006		
Telefax: 0313822329		của Bộ Tài Chính		
PHIẾU THU		Số CT 670		
Ngày: 31/12/2009		TK nợ 111 : 4.200.000 TK có 511: 4.000.000 TK có 3331 : 200.000		
Người nộp tiền: Nguyễn Quốc Cường				
Địa chỉ: Phòng kinh doanh				
Về khoản : Công ty TNHH Nghĩa Anh trả tiền cước vận chuyển				
Số tiền : 4.200.000 VNĐ				
Bằng chữ : Bốn triệu hai trăm nghìn đồng chẵn				
Kèm theo:01.....chứng từ gốc				
Đã nhận đủ số tiền:				
Nhận ngày 31 tháng 12 năm 2009				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Thủ quỹ	Người nộp
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Tài chính Kế toán công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

2.2.2.2. Kiểm tra, đối chiếu số liệu của các chứng từ gốc với sổ chi tiết tương ứng của các tài khoản.

Các chứng từ gốc được sử dụng làm căn cứ để kế toán nhập số liệu vào máy tính. Từ đó, máy tính sẽ tự động đưa số liệu vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan. Định kỳ, kế toán kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa chứng từ gốc với sổ chi tiết để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với số liệu thực tế.

2.2.2.3. Kiểm tra, đối chiếu giữa các sổ sách có liên quan.

- Từ số liệu nhập ở chứng từ ghi sổ, máy tính tự động thực hiện nhập số liệu vào sổ cái các tài khoản liên quan. Định kỳ, kế toán kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với số thực tế.

- Từ số liệu được nhập ở sổ chi tiết, máy tính tự động thực hiện nhập số liệu vào Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản liên quan. Định kỳ, kế toán kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với số thực tế.

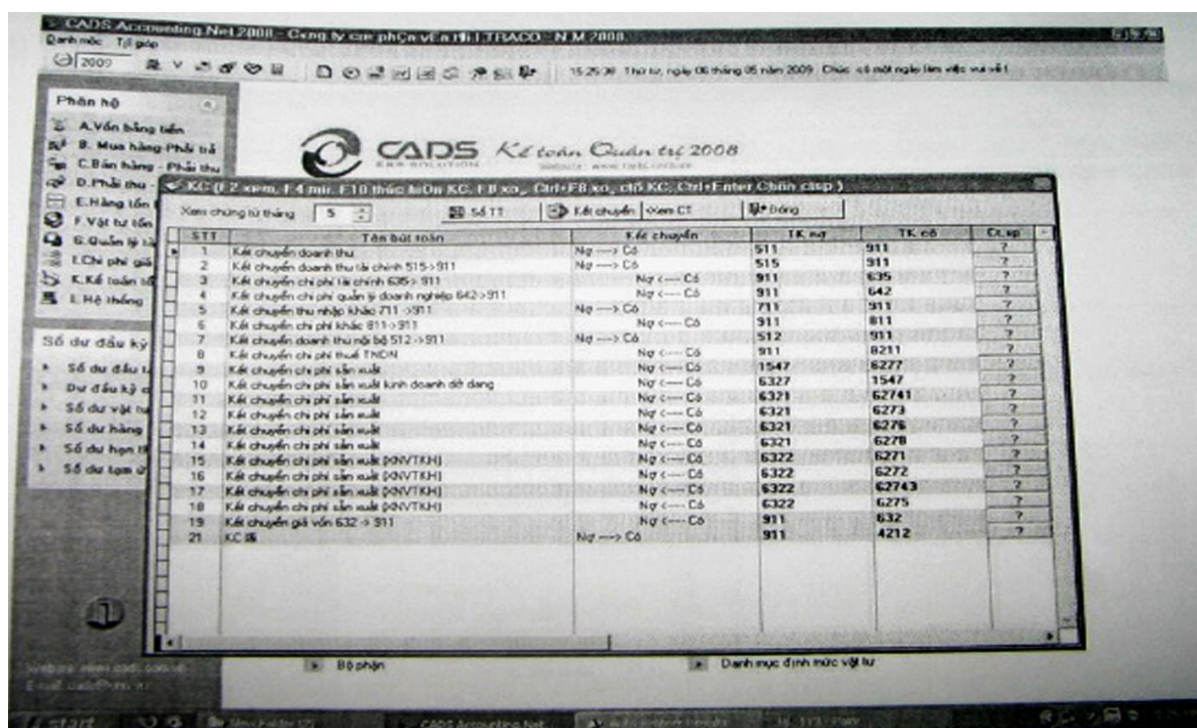
2.2.2.4. Cuối kỳ thực hiện bút toán kết chuyển trung gian, khóa sổ kế toán để lập Bảng cân đối số phát sinh tài khoản

- Sau khi kiểm tra chính xác sổ sách, kế toán đóng các cửa sổ nhỏ, quay lại màn hình chính, chọn cột bên trái “ Kế toán tổng hợp”, rồi chọn biểu tượng “ Kết chuyển tự động”. Màn hình lúc đó có dạng như sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco



- Kế toán ấn F10 để thực hiện kết chuyển, F2 để xem, F4 để in. Màn hình có dạng sau:



- Sau khi thực hiện hoàn tất thao tác kết chuyển các tài khoản, kế toán tiến hành thao tác khóa sổ kế toán bằng cách chọn cột bên trái của màn hình chính “ Kế toán

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

tổng hợp”, rồi chọn biểu tượng “ Khóa sổ liệu”, điền đủ thông tin ngày tháng khóa sổ rồi ấn “ Nhận”.

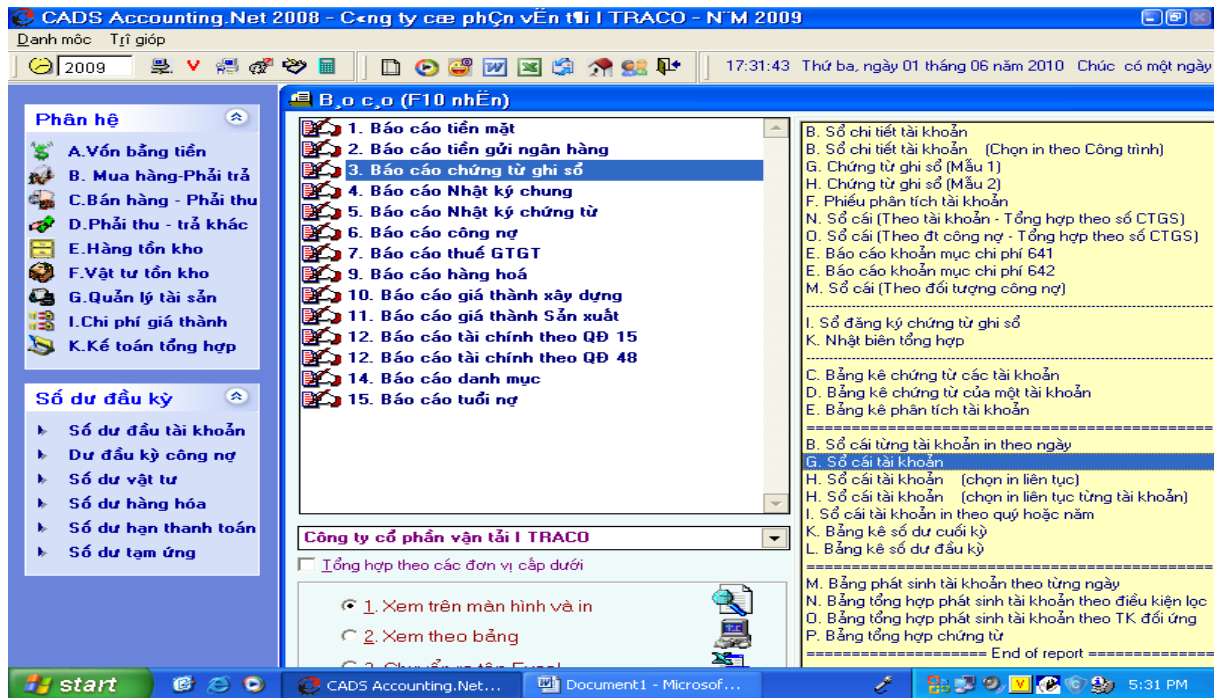
- Sau khi khóa sổ kế toán, có thể in ra các Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết. Chẳng hạn, muốn in sổ cái TK 111, kế toán thực hiện các thao tác sau:

+ ,Từ màn hình chính chọn cột bên trái “ Kế toán tổng hợp” , xuất hiện các biểu tượng trong bảng Kế toán tổng hợp, chọn “ Báo cáo” có dạng như màn hình sau:

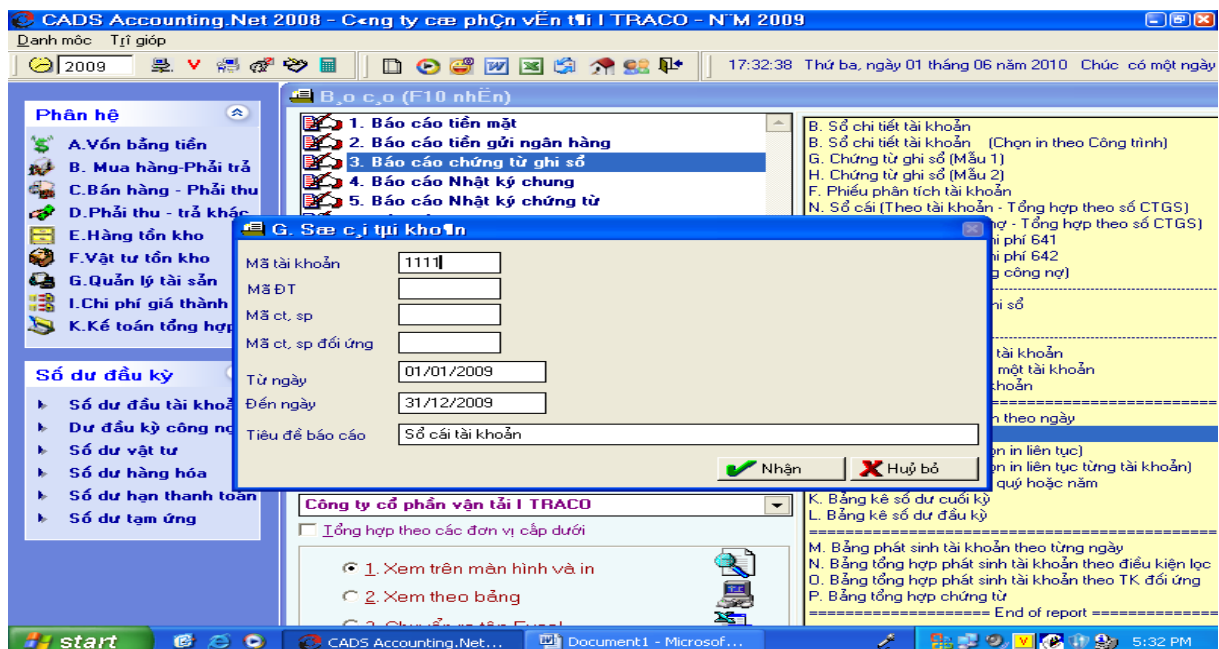


Nhấn chuột vào biểu tượng “ Báo cáo”, sẽ có 15 loại báo cáo được đưa ra . Để kiểm tra Sổ cái chọn “ Báo cáo chứng từ ghi sổ” / “Sổ cái Tài khoản”, chọn ô chữ “ Nhận” ở góc phải màn hình, ta có màn hình như sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco



Sổ cái tài khoản sẽ hiện ra danh mục tài khoản mà kế toán cần tìm, gõ “Mã tài khoản”, chọn “Nhận” ở góc phải màn hình cửa sổ nhỏ, có dạng như sau:



Kế toán sau khi gõ “Mã tài khoản” là TK 111 “Tiền mặt”, Sổ cái TK 111 sẽ hiện ra như sau:

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 2.4

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 111 – Tiền mặt

CHÚNG TỪ GHI SỔ		TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN	
SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
		Dư đầu		196.743.207	
		Tổng phát sinh		65.759.970.236	65.817.539.172
		Dư cuối		139.174.271	
187	31/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	112	100.000.000	
187	31/12	Thu tiền tạm ứng thừa cho nhân viên đi công tác	141	1.560.250	
187	31/12	Doanh thu từ hoạt động tài chính	515	18.632.140	
187	31/12	Cước vận chuyển ure	511	4.000.000	
187	31/12	Thuế GTGT phải nộp	3331	200.000	
188	31/12	Chi tiếp khách	642		3.650.000
188	31/12	Mua TSCĐ cho quản lý doanh nghiệp	211		16.154.250
188	31/12	Thanh toán lương tháng 11	334		30.870.300
....					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
Nguyễn Thị Giang

Kế toán trưởng
Phạm Thị Nga

(Nguồn : Trích Sổ cái TK 111 tháng 12 năm 2009 tại Phòng Tài chính Kế toán
công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

Sau đây em xin được trích dẫn một số Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết của một số tài khoản tại công ty như sau:

Biểu số 2.5

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

CHỨNG TỪ GHI SỔ		TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN	
SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
		Dư đầu		976.448.726	
		Tổng phát sinh		179.306.452.495	175.460.985.070
		Dư cuối		4.821.916.151	
...					
187	31/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111		100.000.000
189	31/12	Công ty Hải Hà đặt tiền trước	131	40.000.000	
189	31/12	Nộp tiền vào tài khoản	111	1.350.000.000	
190	31/12	Công ty trả nợ cho công ty Bắc Hải	331		650.745.923
190	31/12	Trả vay ngân hàng	311		1.080.000.000
.....					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Đinh Thị Huệ

Phạm Thị Nga

*(Nguồn: Trích Sổ cái TK 112 tháng 12 năm 2009 tại Phòng Tài chính Kế toán
công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco)*

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

Biểu số 2.6

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

CHỨNG TỪ GHI SỔ		TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN	
SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
		Dư đầu		20.498.440.566	
		Tổng phát sinh		195.176.814.534	188.448.694.933
		Dư cuối		28.650.559.070	
....					
189	31/12	Công ty Hải Hà đặt tiền trước	112		40.000.000
191	31/12	Hàng thép của công ty thép Việt Úc	511	4.625.415.000	
191	31/12	Thuế GTGT phải nộp	3331	231.270.750	
192	31/12	Phải thu khác	138		21.130.091
192	31/12	Khoản nợ khó đòi của công ty phân bón miền Nam được xử lý	642		135.690.260
....					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Đinh Thị Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nga

*(Nguồn : Trích Sổ cái TK 131 tháng 12 năm 2009 tại Phòng Tài chính Kế toán
công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco)*

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 2.7

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 331: Phải trả người bán

CHỨNG TỪ GHI SỔ		TRÍCH YẾU	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN	
SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
		Dư đầu			2.734.344.705
		Tổng phát sinh		141.912.921.131	150.628.433.325
		Dư cuối			11.449.856.901
.....					
190	31/12	Trả nợ cho công ty Bắc Hải	112	650.745.923	
193	31/12	Mua vật tư thay cho xe	156		650.000.000
193	31/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài	642		22.515.000
193	31/12	Thuế GTGT được khấu trừ	133		1.125.750
194	31/12	Trả nợ cho công ty Mai Vũ bằng tiền vay	311	325.128.560	
.....					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
Đinh Thị Huệ

Kế toán trưởng
Phạm Thị Nga

(Nguồn : Trích Sổ cái TK 331 tháng 12 năm 2009 tại Phòng Tài chính Kế toán
công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

Biểu số 2.8

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG
Năm 2009**

STT	Tên người mua	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty supe phootphat Lâm Thao	3.854.398.411		9.779.214.351	9.394.154.364	4.239.458.128	
2	Chi nhánh Traco Hà Nội	0		12.994.203		12.994.203	
3	Công ty cổ phần Vận tải Bình Dương	153.804.020		3.145.781.344	2.847.985.364	451.600.000	
4	Công ty TNHH Nghĩa Anh	1.549.169.876		1.784.563.127	647.213.894	2.686.519.100	
5	Công ty Phân bón Miền Nam	130.000.000		65.000.000	70.000.000	125.000.000	
6	Công ty TNHH Hải Hà		6.722.840		4.367.840		2.355.000
							
	Cộng	21.924.794.469	1.426.353.903	195.176.814.534	188.448.694.933	28.652.914.070	2.355.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Đinh Thị Huệ

Phạm Thị Nga

(Nguồn : Phòng Tài chính Kế toán công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

Biểu số 2.9

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN
Năm 2009**

STT	Tên người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cảng Hải phòng		2.940.931.822	15.784.637.982	17.475.678.413		4.631.972.253
2	Công ty Vận tải đường sắt	122.929.943		2.987.642.583	3.067.495.126	43.077.400	
3	Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách		96.838.232	2.678.142.396	2.764.513.464		183.209.300
4	Công ty TNHH Mai Vũ		96.362.770	4.997.312.985	5.046.982.341		146.032.136
5	Công ty Cổ phần Thương mại An Bình	28.611.235		164.782.459	185.873.694	7.520.000	
							
	Céng	4.113.002.295	6.847.347.000	141.912.921.131	150.628.433.325	687.576.643	12.137.433.542

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Đinh Thị Huệ

Phạm Thị Nga

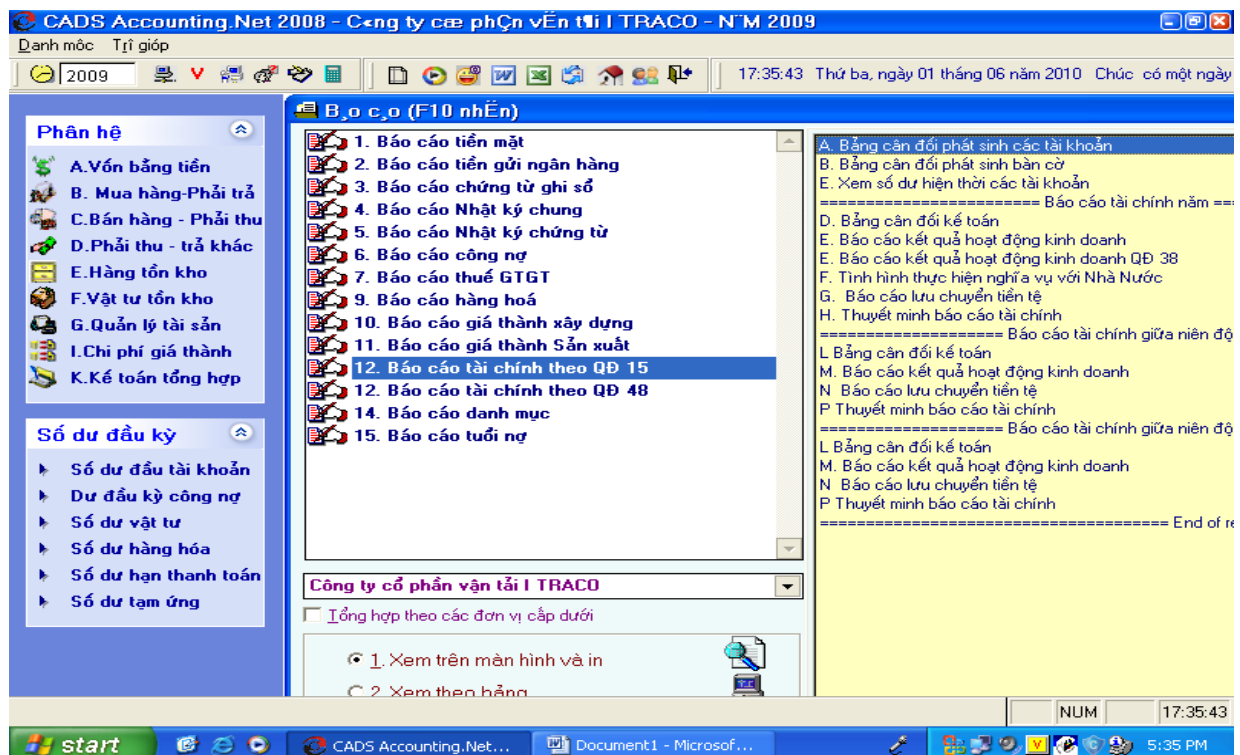
(Nguồn : Phòng Tài chính Kế toán công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

- Để lập Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản, ta thực hiện theo quy trình sau : từ màn hình chính chọn “ Kế toán tổng hợp” / “ Báo cáo”, có dạng như sau:

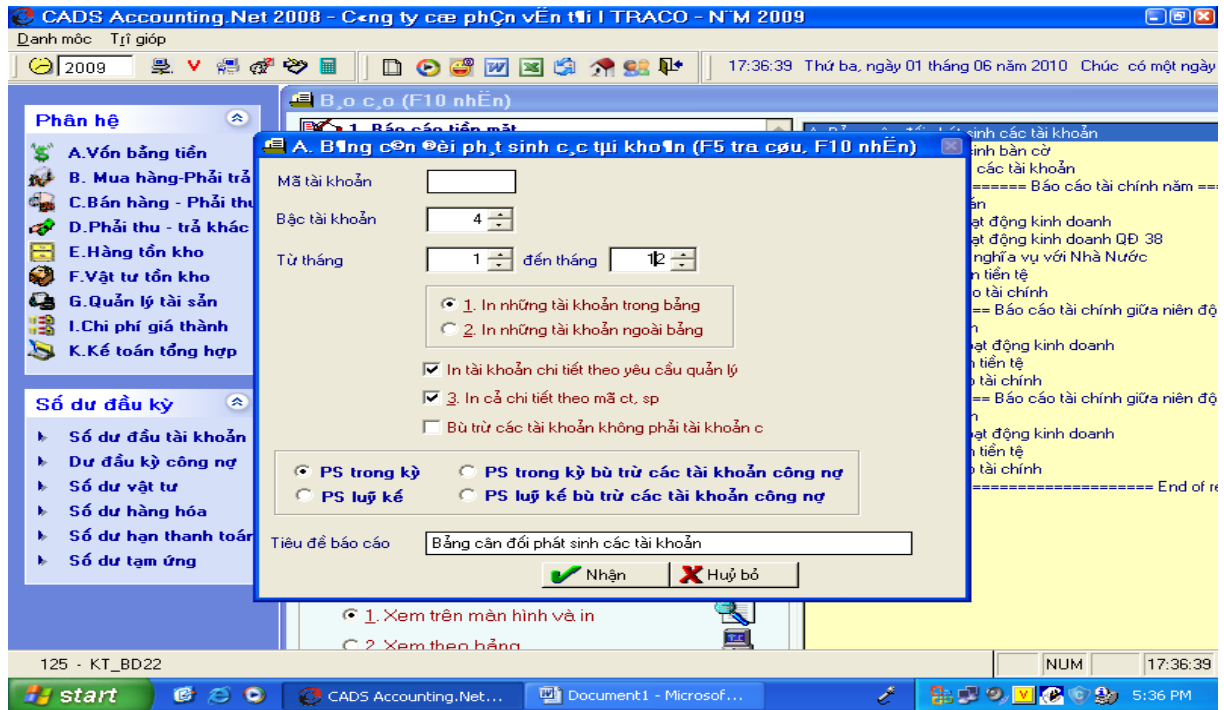


- Nhấn chuột vào biểu tượng “ Báo cáo” có 15 loại báo cáo được đưa ra, kế toán chọn “ Báo cáo tài chính theo quyết định 15 “ / “ Bảng cân đối số phát sinh tài khoản”, kích chuột vào ô “ Nhận” ở góc dưới màn hình có dạng như sau:



Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

- Cửa sổ mới xuất hiện, chọn Mã tài khoản, loại tài khoản, ngày tháng và điền đầy đủ các thông tin cần thiết rồi kích chuột vào ô “Nhận” ở góc dưới ô cửa sổ nhỏ:



*Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco*

Biểu số 2.10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2009

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt tại quỹ	196,743,207		65,759,970,236	65,817,539,172	139,174,271	-
112	Tiền gửi ngân hàng	976,448,726		179,306,452,495	175,460,985,070	4,821,916,151	-
128	Đầu tư ngắn hạn khác			4,000,000,000	4,000,000,000	-	
131	Phải thu khách hàng	20,498,440,566		195,176,814,534	188,448,694,933	28,650,559,070	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	10,612,226		9,759,995,546	9,634,919,201	135,688,571	-
136	Phải thu nội bộ	2,342,357,536		12,851,938,059	12,757,352,899	2,436,942,696	-
138	Phải thu khác	408,528,077		2,142,506,500	1,663,400,819	887,633,758	-
139	Dự phòng phải thu khó đòi				1,418,347,458		1,418,347,458
141	Tạm ứng	698,940,955		8,402,251,433	8,816,755,151	284,437,237	
142	Chi phí chờ kết chuyển	532,971,725		1,140,681,811	1,379,368,085	294,285,451	

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải I Traco***

154	Chi phí sản phẩm dở dang	40,818,132		4,754,136,976	4,794,955,108	-	
156	Hàng hóa	4,704,268,014		73,854,790,100	73,579,298,460	4,979,759,654	
211	Tài sản cố định hữu hình	26,530,860,530		3,868,797,649	335,494,522	30,064,163,657	
214	Hao mòn Tài sản cố định HH		14,465,724,160	218,444,603	2,036,069,265		16,283,348,822
221	Đầu tư vào công ty con	1,500,000,000				1,500,000,000	
228	Đầu tư dài hạn khác	1,510,000,000			10,000,000	1,500,000,000	
241	Xây dựng cơ bản dở dang	153,000,000		2,448,157,893	2,448,157,893	153,000,000	
311	Vay ngắn hạn		5,835,981,922	17,219,734,182	15,271,752,260		3,888,000,000
331	Phải trả người bán		2,734,344,705	141,912,921,131	150,628,433,325		11,449,856,901
333	Các khoản phải nộp nhà nước	1,458,456	444,236,228	12,473,221,370	14,479,552,064	1,458,456	2,450,566,922
334	Phải trả công nhân viên		5,475,714,560	11,408,795,086	13,537,192,589		7,604,112,063
335	Chi phí phải trả		4,611,995,082	17,798,358,023	14,212,193,275		1,025,830,334
336	Phải trả nội bộ			12,657,501,629	12,657,501,629		
338	Phải trả phải nộp khác		2,284,657,059	7,879,598,028	10,891,607,100		5,296,675,141
351	QDP trợ cấp mất việc làm				89,968,968		89,968,968
411	Nguồn vốn kinh doanh		21,653,002,380				21,653,002,380
414	Quỹ đầu tư phát triển		466,632,580	832,800	1,603,640,080		2,069,439,860
415	Quỹ dự phòng tài chính		654,424,287		450,965,667		1,105,389,954

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

419	Cổ phiếu quỹ	3,000,000				3,000,000	
421	Lợi nhuận chưa phân phối		245,848,477	8,733,917,330	9,159,406,518		671,337,665
431	Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,200,886,750	606,461,550	1,635,064,816		2,229,490,016
441	Nguồn vốn đầu tư XDCB		35,000,000				35,000,000
511	Doanh thu BHCCDV			186,470,371,726	186,470,371,726		
515	Doanh thu HĐTC			904,475,944	904,475,944		
632	Giá vốn hàng bán			152,175,357,853	152,175,357,853		
635	Chi phí tài chính			904,344,192	904,344,192		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			17,195,518,972	17,195,518,972		
711	Thu nhập khác			1,755,516,955	1,755,516,955		
811	Chi phí khác			6,941,387,650	6,941,387,650		
821	Chi phí thuế TNDN			2,993,111,328	2,993,111,328		
911	XĐKQHĐKD			189,130,364,625	189,130,364,625		
	Tổng cộng	65.647.804.348	65.647.804.348	1,352,846,728,209	1,352,846,728,209	77,960,298,074	77,960,298,074

Ngày... tháng năm

Người lập
(Ký, họ tên)

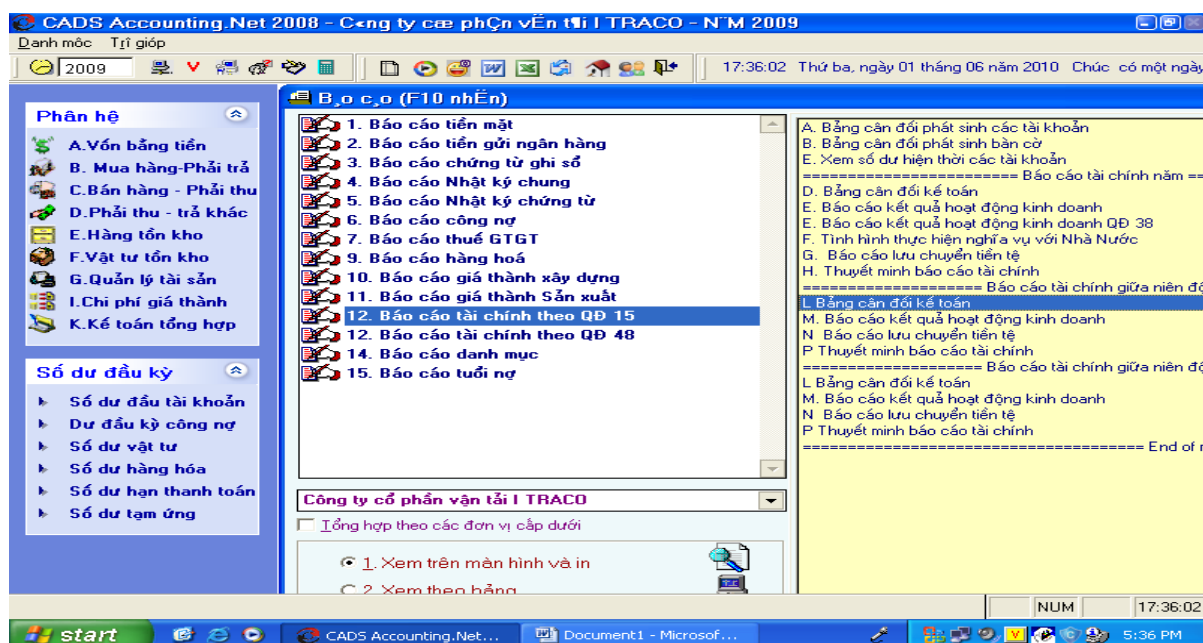
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

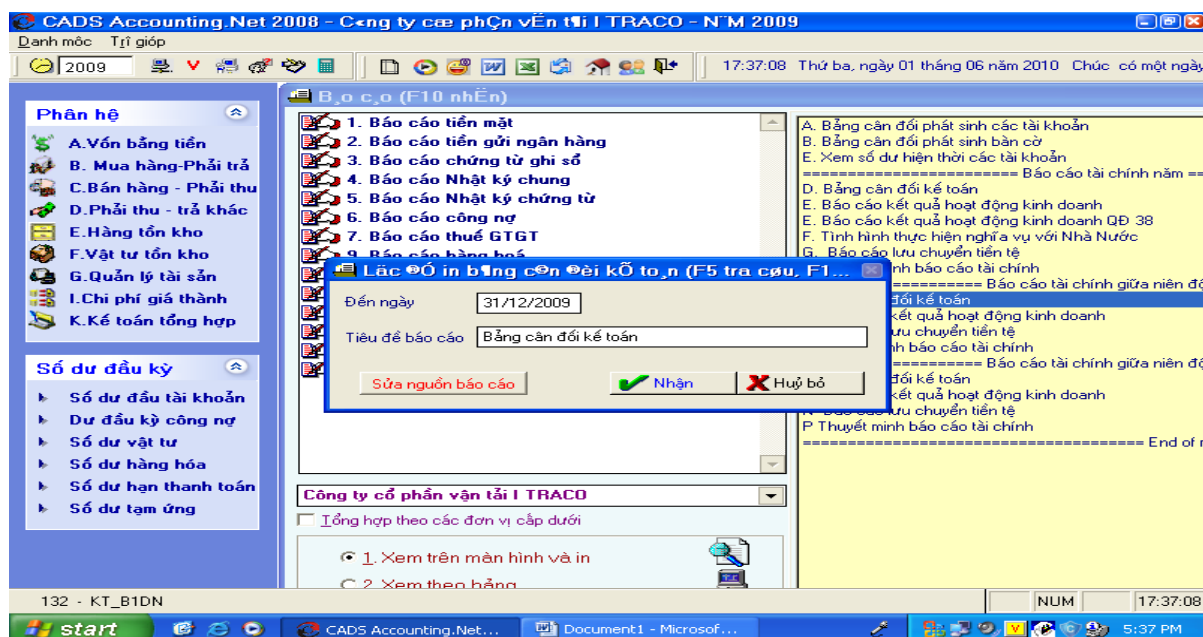
2.2.2.5. Lập Bảng cân đối kế toán

Dựa vào Sổ cái các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản và bảng cân đối số phát sinh, máy tính tự động lập bảng cân đối kế toán.

Để lập bảng cân đối kế toán, kế toán cần thực hiện các thao tác sau: từ màn hình chính chọn “ Kế toán tổng hợp “ / “ Báo cáo ” /” Báo cáo tài chính theo QĐ 15 “/ “ Bảng cân đối kế toán” , kích chuột vào ô “ Nhận, xuất hiện bảng sau:



Xuất hiện ô cửa sổ nhỏ, chọn thời điểm “ Đến ngày” rồi chọn “ Nhận” ta có dạng màn hình như sau:



**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

Biểu số 2.11

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

Mẫu số B01-DN

Ban hành theo quyết QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	ĐƯ CUỐI KỲ	ĐƯ ĐẦU KỲ
1	2	3	4	5
A- Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		43,321,787,010	35,950,943,858
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,961,090,422	1,173,191,933
1. Tiền	111	V.01	4,961,090,422	1,173,191,933
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32,665,067,170	28,788,682,377
1. Phải thu khách hàng	131		28,652,914,070	21,924,794,469
2. Trả trước cho người bán	132		687,576,643	4,113,002,295
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2,436,942,696	2,342,357,536
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	887,633,758	408,528,077
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,418,347,458)	
IV. Hàng tồn kho	140		4,979,759,656	4,745,086,146
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4,979,759,656	4,745,086,146
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		715,869,755	1,243,983,402
1. Chi phí trả trước cho ngắn hạn	151		294,285,451	532,971,725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		135,688,571	10,612,226
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	1,458,456	1,458,456
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		284,437,277	698,940,995

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

B- Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		16,933,814,835	15,228,136,370
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		13,933,814,835	12,218,136,370
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	13,780,814,835	12,065,136,370
- Nguyên giá	222		30,064,163,657	26,530,860,530
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16,283,348,822)	(14,465,724,160)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	153,000,000	153,000,000
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,000,000,000	3,010,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,500,000,000	1,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,500,000,000	1,510,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		60,255,601,845	51,179,080,228

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	DƯ CUỐI KỲ	DƯ ĐẦU KỲ
1	2	3	4	5
A Nợ phải trả (300=310+330)	300		32,494,941,970	26,926,285,754
I. Nợ ngắn hạn	310		32,404,973,002	26,926,285,754
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	3,888,000,000	5,835,981,922
2. Các khoản phải trả cho người bán	312		12,137,433,542	6,847,347,000
3. Người mua trả tiền trước	313		2,355,000	1,426,353,903
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	2,450,566,922	444,236,228
5. Phải trả người lao động	315		7,604,112,063	5,475,714,560
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,025,830,334	4,611,995,082
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	5,296,675,141	2,284,657,059
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		89,968,968	
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập doanh hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		89,968,968	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		27,760,659,875	24,252,794,474
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	25,531,169,859	23,051,907,724
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20,852,250,000	20,852,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		800,752,380	800,752,380
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,000,000)	(3,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,069,439,860	466,632,580
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,105,389,954	654,424,287
9. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa sau thuế chưa phân phối	420		671,337,665	245,848,477
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		35,000,000	35,000,000

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2,229,490,016	1,200,886,750
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		2,229,490,016	1,200,886,750
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		60,255,601,845	51,179,080,228

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Nguyễn Thị Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nga

Giám đốc

Nguyễn Văn Nhội

2.2.2.6. Kiểm tra, ký duyệt

Sau khi lập xong Bảng cân đối kế toán, kế toán trưởng trình Giám đốc ký duyệt.

Bảng cân đối kế toán của công ty cũng như các Báo cáo tài chính khác của năm 2009 được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính – Thành viên hãng kiểm toán quốc tế Kreston International.

2.3. Thực trạng tổ chức phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận Tải 1 Traco.

2.3.1. Phân tích cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

2.3.1.1. Phân tích cơ cấu tài sản

*Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco*

Biểu số 2.12

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2009 so với năm 2008	
	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	35.950.943.858	70.25	43.321.787.010	71.89	7.370.843.152	20.5
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	1.173.191.933	2.29	4.961.090.422	8.23	3.787.898.489	322.87
III.Các khoản phải thu	28.788.682.377	56.25	32.665.067.170	54.21	3.876.384.793	13.46
IV.Hàng tồn kho	4.745.086.146	9.27	4.979.759.656	8.26	234.673.510	4.95
V.Tài sản ngắn hạn khác	1.243.983.402	2.43	715.859.755	1.19	-528.113.647	- 42.45
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	15.228.136.370	29.75	16.933.814.835	28.11	1.705.678.465	11.2
II. Tài sản cố định	12.218.136.370	23.87	13.933.814.835	23.13	1.715.678.465	14.04
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.010.000.000	5.88	3.000.000.000	4.98	-10.000.000	- 0.33
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	51.179.080.228	100	60.255.601.845	100	9.076.521.617	17.73

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

Qua bảng phân tích trên ta thấy: tổng tài sản của công ty năm 2009 là 60.255.601.845 đồng tăng 9.076.521.617 đồng tương đương với 17.73 % so với năm 2008 đó là do những nguyên nhân sau :

Tài sản cố định năm 2008 là 12.218.136.370 đồng chiếm 23.87 % trong tổng tài sản và nó còn tăng thêm 1.715.678.465 đồng vào năm 2009. Điều này là tốt vì ngành nghề kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và cũng chứng tỏ doanh nghiệp quan tâm đến việc đầu tư vào tài sản cố định, đổi mới kỹ thuật, công nghệ tạo tiền đề cho việc tăng năng lực kinh doanh trong tương lai.

Bên cạnh đó đó tài sản ngắn hạn không thể không chú ý tới, một con số khá cao. Năm 2009 là 43.321.787.010 đồng chiếm 71.89 % trong tổng tài sản và năm 2008 là 35.950.943.858 đồng chiếm một tỷ lệ tương đối là 70.25 %. Như vậy năm 2009 so với năm 2008 chỉ tiêu này tăng 12.252.994.937 đồng ứng với tỷ lệ 20.5 %. Nhìn vào phần tài sản ngắn hạn ta thấy con số này tăng chủ yếu là do chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền tăng một cách đáng kể. Cụ thể như sau, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 2.29% trong tổng tài sản vào năm 2008 nhưng đến năm 2009 thì nó chiếm 8.23 % trong tổng tài sản tương ứng với việc tăng 3.787.898.489 đồng. Việc tăng lên của chỉ tiêu tiền là khá tốt, khả năng thanh toán nhanh của Công ty rất mạnh, tạo ra sự chủ động trong giao dịch với khách hàng.

Các khoản phải thu trong năm 2008 chiếm 56.25% trong tổng tài sản nhưng đến năm 2009 tỷ trọng giảm còn 54.21% trong tổng tài sản. Tuy tỷ trọng giảm nhưng số tiền tăng 3.876.384.793 đồng. Điều này cho thấy các khoản phải thu tăng lên không phải là xấu vì do quy mô kinh doanh của công ty đã được mở rộng hơn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho tăng 234.673.510 đồng và chiếm tỷ trọng không cao trong tổng tài sản vì với loại hình kinh doanh của công ty hàng tồn kho không phải là chủ yếu, hàng hóa mua về lại xuất bán đi nên lượng hàng tồn kho thừa không đáng kể. Ngoài ra, tài sản ngắn hạn khác trong năm 2009 giảm 528.113.647 đồng so với năm 2008. Chỉ tiêu này giảm không ảnh hưởng lớn đến tổng tài sản của doanh nghiệp.

*Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco*

Biểu số 2.13

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2009 so với năm 2008	
	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ	26.926.285.754	52.61	32.494.941.970	53.93	5.568.656.216	20.68
I. Nợ ngắn hạn	26.926.285.754	52.61	32.404.973.002	53.78	5.478.687.248	20.35
II. Nợ dài hạn	0	0	89.968.968	0.15	89.968.968	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	24.252.794.474	47.39	27.760.659.875	46.07	3.507.865.401	14.46
I. Vốn chủ sở hữu	23.051.907.724	45.04	25.531.169.859	42.37	2.479.262.135	10.76
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.200.886.750	2.35	2.229.490.016	3.7	1.028.603.266	85.65
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	51.179.080.228	100	60.255.601.845	100	9.076.521.617	17.73

(Nguồn: Phòng tài chính Kế toán công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco năm 2009)

2.3.1.2. Phân tích cơ cấu nguồn vốn

Nhìn vào bảng phân tích ta thấy, nguồn vốn năm 2009 tăng so với năm 2008 là 9.076.521.617 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 17.73 %. Sự tăng này là do ảnh hưởng của 2 nhân tố : nợ phải trả, vốn chủ sở hữu.

Trong cả 2 năm (2008, 2009) nợ phải trả đều chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn và có xu hướng tăng lên điều này cho thấy khả năng chủ động về tài chính của công ty giảm xuống. Tuy nhiên, đây có thể là một chính sách tài chính mà các nhà tài chính sử dụng để gia tăng lợi nhuận, bởi khi hệ số nợ cao doanh nghiệp lại có lợi vì được sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ đầu tư một lượng nhỏ. Cụ thể :

Năm 2008, nợ phải trả là 26.926.285.754 đồng chiếm 52.61 % trong tổng nguồn vốn, năm 2009 tăng thêm 5.568.656.216 đồng và chiếm 53.93 %. Nguyên nhân là do trong năm 2009 cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều tăng nhất là nợ dài hạn tăng 89.968.968 đồng trong khi đó năm 2007 công ty ko vay nợ dài hạn. Mục đích của các khoản vay này là nhằm mở rộng quy mô kinh doanh .

Đồng nghĩa với việc tỷ trọng của nợ phải trả trong tổng vốn năm 2008 giảm so với năm 2009 là việc giảm tỷ trọng của nguồn vốn chủ sở hữu trong tổng vốn từ 47.39 % (năm 2008) xuống 46.07 % (năm 2009). Nguồn vốn chủ sở hữu gồm : vốn chủ sở hữu, nguồn kinh phí và các quỹ khác. Hai chỉ tiêu này đều tăng trong năm 2009. Mặc dù trong thời gian vừa rồi chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cùng với một số chính sách của Nhà nước có thay đổi nhưng công ty vẫn duy trì được nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

2.3.2. Phân tích các tỷ số tài chính cơ bản

*** Hệ số khả năng thanh toán tổng quát :**

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn}}$$

$$\text{Hệ số khả năng TTTQ cuối năm} = \frac{60.255.601.845}{32.494.941.970} = 1.85 \text{ lần}$$

$$\text{Hệ số khả năng TTTQ đầu năm} = \frac{51.179.080.228}{26.926.285.754} = 1.9 \text{ lần}$$

Hệ số thanh toán tổng quát cuối năm có thấp hơn đầu năm nhưng có thể coi là an toàn. Đầu năm cứ vay 1 đồng thì có 1.9 đồng tài sản đảm bảo còn cuối năm cứ đi vay nợ 1 đồng thì có 1.85 đồng tài sản đảm bảo. Hệ số này ở thời điểm cuối năm thấp hơn so với đầu năm là do trong năm công ty đã huy động thêm vốn từ bên ngoài nhưng không đáng kể.

*** Hệ số thanh toán nhanh**

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh đầu năm} = \frac{35.950.943.858 - 4.745.086.146}{26.926.285.754} = 1.16 \text{ lần}$$

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh cuối năm} = \frac{43.321.787.010 - 4.979.759.656}{32.404.973.002} = 1.18$$

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải I Traco***

Hệ số thanh toán nhanh cho biết cứ 1 đồng vay nợ ngắn hạn thì có 1.16 đồng tài sản có khả năng thanh khoản cao đảm bảo vào năm 2008, sang năm 2009 cứ 1 đồng vay nợ ngắn hạn có 1.18 đồng tài sản có khả năng thanh khoản cao đảm bảo tăng so với năm ngoái 0.02 đồng. Đó là do tổng nợ ngắn hạn năm 2009 tăng so với năm 2008 là 5.478.687.250 đồng và tài sản ngắn hạn cũng tăng 7.370.843.152 đồng cộng thêm hàng tồn kho tăng 234.673.510 đồng. Thông qua hệ số này có thể thấy, công ty vẫn luôn đảm bảo an toàn cho các khoản vay ngắn hạn.

Tóm lại, công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Vận tải I Traco đã tuân thủ theo quy định hiện hành của Bộ tài chính về mẫu biểu, nguyên tắc, yêu cầu cũng như thời hạn nộp và các bước tiến hành lập bảng cân đối kế toán là tương đối tốt. Công ty có nhiều cố gắng trong công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tuy nhiên không tránh khỏi những tồn tại và thiếu sót.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO

3.1. Đánh giá chung về tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

3.1.1. Kết quả đạt được.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức lập, phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng của công ty đã đạt được các kết quả sau:

3.1.1.1 .Về tổ chức bộ máy kế toán :

- Công ty đã áp dụng mô hình kế toán tập trung . Mô hình này đã giúp cho mỗi nhân viên kế toán vừa phát huy được nội lực, trình độ của bản thân vừa đảm bảo sự tập trung, thống nhất trong công tác kế toán.

- Phòng kế toán có 7 người . Với số lượng nhân sự như vậy đã đáp ứng nhu cầu về hoạt động của công ty. Công ty tổ chức bố trí công việc của cán bộ kế toán phù hợp với chức năng và trình độ, mỗi người chuyên trách riêng và phối hợp cùng kế toán trưởng để tổng hợp sổ sách vào cuối kỳ kế toán. Do vậy công việc đều hoàn thành có hiệu quả , đáp ứng được yêu cầu của công ty cũng như có thể theo kịp sự phát triển và nâng cấp hệ thống kế toán theo xu hướng của nền kinh tế thị trường.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán máy Cads Accounting 2008 theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ đã giúp cho việc tổng hợp, cung cấp, xử lý các thông tin kế toán luôn kịp thời, chính xác. Mặt khác, giảm bớt được công sức và thời gian cho nhân viên. Ngoài ra, công ty còn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất , trang bị máy tính, máy in, máy fax, máy photocopy,...cho phòng kế toán tạo điều kiện để nhân viên hoàn thành công việc tốt hơn.

- Công ty cổ phần Vận tải 1Traco sử dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số : 15/2006/QĐ -BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính để hạch toán.

- Nhân viên kế toán luôn cập nhập và trang bị thêm những kiến thức về kế toán nhằm đáp ứng hiệu quả cho công tác kế toán của doanh nghiệp.

- Công ty có thuê các công ty kiểm toán để kiểm toán vào cuối năm tài chính nên công tác kế toán nói chung và công tác lập Báo cáo tài chính nói riêng luôn được hoàn thiện.

3.1.1.2. Về tổ chức lập bảng cân đối kế toán :

- Đội ngũ kế toán của công ty đã tuân thủ đúng quy trình lập Bảng cân đối kế toán đảm bảo cho việc lập được nhanh chóng, thuận tiện và đạt hiệu quả cao.

- Bảng cân đối kế toán của công ty được lập đúng mẫu của chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006.

- Bảng cân đối kế toán của công ty được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính – Thành viên hãng kiểm toán quốc tế Kreston International nên đã đảm bảo tính trung thực, hợp lý.

3.1.1.3. Về tổ chức phân tích bảng cân đối kế toán :

- Công ty đã bước đầu quan tâm đến công tác phân tích tài chính doanh nghiệp mà trước hết là phân tích Bảng cân đối kế toán. Cụ thể công ty đã phân tích được một số nội dung sau :

+/ Cơ cấu tài sản và nguồn vốn.

+/ Khả năng thanh toán : khả năng thanh toán tổng quát, khả năng thanh toán nhanh .

Để phân tích những nội dung trên kế toán đã sử dụng phương pháp so sánh: so sánh ngang, so sánh dọc để thấy được sự biến động của năm đó như thế nào? Tăng hay giảm so với năm trước? Nguyên nhân của sự tăng, giảm đó.

3.1.2. Những mặt còn hạn chế trong tổ chức phân tích Bảng cân đối kế toán

- Việc phân tích do kế toán trưởng thực hiện nên dẫn đến bảng phân tích chỉ mang tính chủ quan của kế toán trưởng, không phản ánh một cách khách quan, vì vậy ít có tác dụng đối với nhà quản lý, nhà đầu tư ...

- Công ty mới chỉ sử dụng phương pháp so sánh để phân tích một số nội dung cơ bản như cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán và chỉ ra được một số nguyên nhân của sự biến động các chỉ tiêu chứ chưa đưa ra được một quy trình phân tích cụ thể, khoa học và cũng chưa sử dụng kết quả phân tích để tham mưu cho nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh.

Tóm lại việc tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cũng đã có những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại và thiếu sót cần khắc phục nhằm góp phần thúc đẩy cho hoạt động kinh doanh của Công ty ngày một tốt hơn, và đặc biệt là tổ chức lập, phân tích Bảng cân đối kế toán sẽ hiệu quả hơn.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty cổ phần vận tải 1 Traco

3.2.1. Xây dựng quy trình phân tích

Bước 1: Bố trí nhân sự

Công ty cần tổ chức một đội ngũ cán bộ chuyên trách đảm nhận việc phân tích. Đội ngũ phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nhiều năm làm việc thực tế tại công ty.

Bước 2 : Thu thập thông tin

Đây là khâu quan trọng phục vụ cho quá trình phân tích. Thông tin có đầy đủ, chính xác thì quá trình phân tích mới được thuận lợi, kết quả phân tích mới hiệu quả mang tính khách quan. Thông tin ở đây chính là Bảng cân đối kế toán, Báo cáo tài chính khác có liên quan, là những định hướng, kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của công ty và các thông tin cần thiết khác.

Bước 3: Xây dựng chương trình phân tích

Xây dựng chương trình phân tích càng tỷ mỉ, chi tiết thì hiệu quả của công tác phân tích càng cao. Khi xây dựng chương trình phân tích, Công ty cần nêu rõ những vấn đề sau:

- Lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp: phương pháp so sánh, phương pháp tỷ số,...

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

- Xác định nội dung phân tích: phân tích cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn ,phân tích các tỷ số tài chính đặc trưng,...
- Xác định thời gian thực hiện chương trình phân tích

Bước 4: Thực hiện phân tích

- Xử lý tài liệu sưu tầm được, lập các bảng phân tích số liệu, tính toán các chỉ tiêu, so sánh các chỉ tiêu đó qua các năm.
- Trên cơ sở các phương pháp phân tích đã lựa chọn tiến hành phân tích theo nội dung đã dự kiến.
- Sau khi phân tích phải tiến hành lập bảng đánh giá tổng hợp, đánh giá chi tiết,...
- Lấy ý kiến đóng góp tổng hợp của các thành viên tham dự chương trình phân tích và ghi thành biên bản.
- Cuối cùng tổng hợp những kết quả đã phân tích cùng với những ý kiến đóng góp trên để rút ra những nhận xét, đánh giá chung nhất : Công ty đã đạt được những thành tích gì, còn tồn tại, thiếu sót, hạn chế gì , cần khắc phục ngay những vấn đề gì và những vấn đề gì cần phải có thời gian mới thực hiện được.

Bước 5 : Báo cáo kết quả phân tích

Báo cáo kết quả quá trình phân tích được trình bày bằng văn bản và phải được thuyết trình cho lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban chức năng trong công ty để trao đổi, thống nhất ý kiến trong báo cáo phân tích đó. Từ đó giao nhiệm vụ cho các bộ phận chịu trách nhiệm, đơn đốc thực hiện những việc cần phải khắc phục đã nêu trong báo cáo phân tích.

3.2.2. Tăng cường và nâng cao trình độ cán bộ phân tích

Hiện nay, việc phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco chỉ do kế toán trưởng chịu trách nhiệm, chưa có sự phối hợp giữa các phòng ban trong công ty. Điều này vừa làm tăng khối lượng công việc của kế toán trưởng vừa không đảm bảo tính khách quan, kết quả phân tích không được toàn diện. Chính vì vậy, việc tăng cường và nâng cao trình độ cán bộ phân tích tại công ty là hết sức cần thiết. Công ty nên bố trí một đội ngũ phân tích gồm 3

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

người: kế toán trưởng, nhân viên kế toán có kinh nghiệm, trưởng phòng kinh doanh. Ngoài ra, công ty nên tạo điều kiện cho đội ngũ này tham gia học tập tại các lớp bồi dưỡng, hoàn thiện và nâng cao kỹ năng phân tích tài chính chuyên sâu để từ đó đội ngũ này sẽ đưa ra được những phân tích tài chính sắc bén, có những đánh giá chính xác và những giải pháp hiệu quả, những định hướng trong tương lai cho hoạt động kinh doanh của công ty.

3.2.3. Hoàn thiện phương pháp phân tích

Ngoài phương pháp so sánh, công ty nên áp dụng một số các phương pháp phân tích khác như phương pháp thay thế liên hoàn, phương pháp tỷ số bao gồm các nhóm tỷ số cơ bản như nhóm tỷ số về khả năng sinh lời, nhóm tỷ số về khả năng cân đối vốn,...Có thể sử dụng kết hợp các phương pháp này trong quá trình phân tích sẽ giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.4. Hoàn thiện nội dung phân tích

- Trong phần phân tích của doanh nghiệp ngoài những tỷ số tài chính đã phân tích công ty nên phân tích thêm một số các tỷ số tài chính cơ bản khác để có thêm thông tin trong việc chỉ đạo hoạt động kinh doanh.

Biểu số 3.1

Bảng phân tích nhóm các tỷ số về khả năng cân đối vốn

Chỉ tiêu	Công thức	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2009 so với năm 2008
1. Tỷ số nợ	Nợ phải trả	%	52.61	53.93	1.32
	Tổng tài sản				
2. Tỷ số tự tài trợ	Vốn chủ sở hữu	%	47.39	46.07	-1.32
	Tổng nguồn vốn				
3. Tỷ số cơ cấu tài sản	Tài sản ngắn hạn	%	70.25	71.89	1.64
	Tổng tài sản				

Nhìn vào tỷ số nợ có thể thấy, cuối năm tăng 1.32% so với đầu năm. Mức tăng này không cao nhưng xét một cách tổng quan tình hình của công ty trong những năm gần đây có thể thấy chất lượng kinh doanh của công ty đang trên đà

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco***

đi lên. Vì vậy, tỷ số nợ cuối năm có tăng nhưng mang lại doanh lợi cho công ty tức là công ty sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ phải đầu tư một lượng vốn nhỏ, không đáng kể. Công ty có thể sử dụng tỷ số này như một chính sách tài chính để gia tăng lợi nhuận.

Tỷ số tự tài trợ của công ty cuối năm có giảm so với đầu năm là 1.32% . Nguyên nhân là do trong năm công ty đã vay ngắn hạn thêm một khoản để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh. Vì mức giảm không đáng kể nên qua số liệu phân tích trên có thể thấy tỷ suất tự tài trợ của công ty tương đối cao. Đây là một thuận lợi cho công ty khi có ý định vay vốn vì khi người cho vay nhìn vào chỉ số này sẽ thấy một sự đảm bảo cho món nợ vay.

Tỷ số cơ cấu tài sản cho thấy năm 2009 tài sản ngắn hạn chiếm 71.89% trong tổng tài sản tăng 1.64% so với năm 2008. Qua số liệu này có thể thấy công ty đã bố trí cơ cấu tài sản khá phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp đem lại hiệu quả cho việc sử dụng tài sản trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

- Bổ sung thêm các tỷ số về khả năng thanh toán nhằm giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là các nhà đầu tư, người cho vay, nhà cung cấp,... có cái nhìn rõ hơn về khả năng chi trả các khoản nợ tới hạn của doanh nghiệp.

Biểu số 3.2

Bảng phân tích nhóm các tỷ số khả năng thanh toán

Chi tiêu	Công thức	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2009 so với năm 2008
1. Tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	Lần	1.34	1.34	-
	Tổng nợ ngắn hạn				
2. Tỷ số khả năng thanh toán tức thời	Tiền và các khoản tương đương tiền	Lần	0.044	0.153	0.109
	Tổng nợ ngắn hạn				

Qua bảng phân tích trên ta thấy tỷ số thanh toán ngắn hạn của công ty tuy cuối năm không thay đổi là 1.34 lần nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán.

Hệ số này cho biết mối quan hệ tương đối giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn. Do đặc điểm của công ty là doanh nghiệp dịch vụ nên hệ số của công ty cuối năm như vậy là chấp nhận được. Nhưng khi xét đến kết cấu của tài sản ngắn hạn thì ta thấy trong tài sản ngắn hạn các khoản phải thu chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Do vậy, công ty cần chú trọng hơn trong công tác thu hồi nợ

Tỷ số thanh toán tức thời cho thấy năm 2009, cứ 1 đồng nợ ngắn hạn chỉ đảm bảo 0.153 đồng các khoản vốn bằng tiền. Năm 2008, cứ 1 đồng nợ ngắn hạn chỉ đảm bảo 0.044 đồng các khoản vốn bằng tiền. Như vậy năm 2009 hệ số thanh toán tức thời tăng 0.109 lần so với năm 2008. Mức tăng này không cao song qua số liệu phân tích có thể nhận thấy khả năng thanh toán tức thời của công ty đối với các khoản nợ là thấp. Nếu tình trạng này tiếp tục diễn biến như vậy thì công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán ngay các khoản nợ tới hạn.

3.2.5. Sử dụng kết quả phân tích để đưa ra các quyết định

3.2.5.1. Tăng cường biện pháp thu hồi nợ đọng

Qua quá trình phân tích của công ty về tình hình biến động của chỉ tiêu “ Phải thu khách hàng”, em nhận thấy tỷ trọng của chỉ tiêu này trong tổng tài sản còn khá cao (chiếm 54.21%). Điều này chứng tỏ tình hình thu nợ khách hàng của công ty vẫn chưa thực sự tốt, tình hình nợ đọng kéo dài thường xuyên. Kết hợp cùng với kết quả phân tích tỷ số khả năng thanh toán tức thời tại công ty có thể thấy khả năng thanh toán tức thời đối với các khoản nợ là gặp khó khăn. Nguyên nhân là do khách hàng của công ty thường xuyên thanh toán chậm nghĩa là công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều. Nếu không thu hồi được sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình tài chính của công ty. Chính vì vậy, công ty cần phải đưa ra các biện pháp thích hợp để thu nợ khách hàng như: Tích cực đôn đốc khách hàng trả các khoản nợ bằng cách gửi thư xác nhận số công nợ, đến gặp trực tiếp khách hàng yêu cầu thanh toán, xây dựng và vận dụng chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý ,linh hoạt. Ngoài ra, công ty cũng nên lập dự phòng phải thu khó đòi đối với những khách hàng quá hạn thanh toán,....

3.2.5.2. Sử dụng hiệu quả vốn bằng tiền vào hoạt động kinh doanh.

Nhìn vào kết quả phân tích chỉ tiêu “ Tiền và các khoản tương đương tiền “ tại công ty, em nhận thấy tỷ lệ của chỉ tiêu này năm 2009 tăng so với năm 2008 là 322.87%. Theo như đánh giá của công ty thì việc duy trì lượng tiền lớn như vậy sẽ giúp cho công ty chủ động hơn trong việc thanh toán nhanh các khoản nợ tới hạn. Và trong năm 2009, công ty đã thu hồi được một số khoản nợ của khách hàng nên việc tăng “Tiền và các khoản tương đương tiền” so với năm 2008 là đương nhiên. Tuy nhiên, theo ý kiến của bản thân, em thấy công ty đang duy trì lượng vốn bằng tiền khá lớn. Công ty nên đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh để sinh lợi nhuận nhiều hơn.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, cùng với việc tìm hiểu thực tế về tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco, em nhận thấy được vai trò quan trọng của những thông tin kế toán mà Bảng cân đối kế toán mang lại cũng như thông tin phân tích tài chính đối với chủ doanh nghiệp và những đối tượng khác nhau quan tâm đến vấn đề tài chính và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco, em đã có điều kiện tiếp xúc thực tế tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán của Công ty. Từ đó, em càng nhận thức rõ hơn vai trò của vấn đề này đối với từng doanh nghiệp.

Với sự cố gắng nỗ lực trong nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tế, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của ban giám đốc, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco và của cô giáo hướng dẫn – Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, em đã hoàn thành bài khóa luận của mình. Do thời gian thực tập ngắn, trình độ có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương cùng các thầy cô của bộ môn Quản trị kinh doanh và ban lãnh đạo công ty đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện, giúp đỡ, chỉ bảo tận tình cho em hoàn thành khóa luận này.

Hải Phòng, tháng 7 năm 2010

Sinh viên

Bùi Thu Ngân

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 01 - Chuyên khảo về Báo cáo tài chính và lập, đọc, kiểm tra, phân tích Báo Cáo tài chính, Nhà xuất bản Tài chính, năm 2005, tác giả: PGS.TS. Nguyễn Văn Công.
- 02 - Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống kê, năm 2008, tác giả: TS. Phan Đức Dũng – Giảng viên Đại Học Quốc Gia.
- 03 - Phân tích tài chính doanh nghiệp, trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, biên soạn: TS. Ngô Kim Phụng.
- 04 - Giáo trình Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp, NXB Thống kê, năm 2008, tác giả: PGS.TS. Nguyễn Thị Đông.
- 05 - Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Quyển 1&2).
- 06 - Khóa luận tốt nghiệp của tác giả Đồng Thị Thùy Dung – QT802K, thư viện trường Đại học Dân lập Hải phòng
- 07 – Khóa luận tốt nghiệp của tác giả Hoàng Thị Thùy – QTL101K, thư viện trường Đại học Dân lập Hải phòng.
- 08 - Hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco
- 09 - Trang web : Taichinhketoan.com.vn
Danketoan.com
Webketoan.vn

